

suy xét, muốn tạo nhân duyên để ở trong pháp của Sa-môn Cù-dàm tu hành phạm hạnh!"

Ngài đã biết như vậy rồi, nên từ chối ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 973. CHIÊN-ĐÀ¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có xuất gia ngoại đạo tên là Chiên-đà¹⁷ đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

“Vì lý do gì Tôn giả xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-dàm?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vì muốn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, nên tôi xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-dàm.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Vì ấy có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi cũng có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm, tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Vì nhiễm trước tham dục, làm che mờ tâm nên hoặc tự hại mình, hoặc hại người, hoặc hại cả hai, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau cả hai đều mắc tội; tâm lúc nào cũng cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ thì tự hại mình, hại người, mình người đều hại... cho đến lúc nào cũng có cảm giác buồn khổ.”

¹⁶. Pāli, A.3.71.Channa. Biệt dịch, №100(207).

¹⁷. Chiên-đà 梅陀 . Pāli: Channo. Bản Hán đọc là Caṇḍo.

“Lại nữa tham dục là sự mù quáng, là không có mắt, là không có trí, làm tuệ lực sút kém, làm chướng ngại, không phải là minh, chẳng phải Đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Đối với sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm tai hại như vậy nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai. Và lại hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội; hiện tại, đời sau đều không mắc tội; tâm pháp lúc nào cũng cảm thấy vui vẻ, sung sướng. Đối với sân nhuế, ngu si cũng như vậy. Trong hiện tại thường xa lìa nhiệt nǎo, không chờ thời tiết mà chứng đắc các hiện pháp khác, duyên tự thân mà giác tri¹⁸. Và vì những công đức lợi ích như vậy, nên nói cần đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Có đạo, có đạo tích nào, mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp:

“Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... *cho đến chánh định.*”

Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan:

“Đây là đạo hiền thiện vậy thay! Là tích hiền thiện vậy thay! Nếu tu tập, tu tập nhiều thì sẽ có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

¹⁸. Hán: *bất đai thời tiết, hữu đắc dư hiện pháp, duyên tự giác tri 不待時節，有得餘現法*, 緣自覺知. Văn dịch khác đó của định cú thường gặp nói về pháp; Pāli: *akaliko ehipassiko opanāyiko paccatam veditabbo viññūhi ti*.

KINH 974. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (I)¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết nhiều pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui xong, Đức Phật im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu đánh lẽ dưới chân rồi đi.

Lúc ấy, có xuất gia ngoại đạo tên Bổ-lũ-đê-ca²⁰ trên đường đi lại, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Ngài từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hỏa chưởng, tôi từ chỗ Thế Tôn, nghe Đại Sư nói pháp, dạy dỗ, rồi tới đây.”

Bổ-lũ-đê-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đến nay vẫn còn chưa dứt sữa²¹, vẫn theo Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp chăng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hỏa chưởng, tôi không dứt sữa, vẫn ở nơi Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp.”

Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi đã dứt sữa từ lâu, xả bỏ những gì Thầy đã truyền dạy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Pháp của ông là pháp luật được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để ý chỉ.

“Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sữa, lìa bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cằn hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghé con bú sữa xong vội

^{19.} Biệt dịch, №100(208).

^{20.} Bổ-lũ-đê-ca 捕縷低迦.

^{21.} Hán: ly nhū 離 乳 .

vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

“Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên ông nhanh chóng lìa bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.

“Lại nữa, Đại Sư của tôi là Bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên từ lâu được uống dòng sữa của Ngài, được nghe Đại Sư dạy dỗ chánh pháp, ví như con bò sữa không cộc cằn hung dữ, lại có nhiều dịch sữa. Nghé con của nó uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng vậy, là Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Xá-lợi-phất:

“Tôn giả chớng được thiện lợi nơi Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe những gì Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lên đường mà đi.

**
*

KINH 975. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)²²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập hợp ở giảng đường Vị tằng hữu²³ bàn luận như vầy: ‘Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống, không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này

²² Biệt dịch, N°100(209).

²³ Vị tằng hữu giảng đường 未曾有講堂.

hợp, điều này không hợp. Như con trâu mù đi cạnh bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-dàm cũng lại như vậy, không có điều gì nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp.””

Phật bảo Bổ-lũ-đê-ca:

“Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói ‘nên hay không nên, hợp hay không hợp’, đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mươi tuổi; tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: ‘Đây là bé con già tuổi’. Cũng vậy, này Hỏa chửng, các thứ luận thuyết cho rằng: ‘Nên không nên, hợp không hợp’ đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả.”

Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?”

Phật bảo ngoại đạo:

“Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.. Không điều phục khiến họ điều phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

“Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới không thanh tịnh khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là không điều phục khiến họ điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý không điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân khuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn không đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.”

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, ý nghĩa ấy là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Sự kiên cố này là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Đó chính là tận trừ các hữu lậu.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**

KINH 976. THI-BÀ (I)²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Thi-bà²⁵ đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào đón thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, thế nào là học? Gọi là học, vậy thế nào là học?”

Phật bảo Thi-bà:

“Học những gì nên học, nên gọi là học.”

Thi-bà bạch Phật:

“Học những gì?”

Phật bảo Thi-bà:

“Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng ý, học tăng thượng tuệ.”

Thi-bà bạch Phật:

“Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận, những việc làm đã xong, đã trút bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ những kết sử của hữu, bằng chánh trí mà khéo giải thoát, bấy giờ lại còn phải học những gì nữa?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận... *cho đến* chánh trí khéo giải thoát, chính lúc này giác tri tham dục vĩnh viễn sạch hết không còn và giác tri sân nhuế, ngu si vĩnh viễn sạch hết không còn, nên không còn tạo lại các điều ác, lúc nào cũng thực hành các điều

²⁴. Pāli, xem cht. 26, kinh 977 dưới. Biệt dịch, N°100(210).

²⁵. Thi-bà 尸婆. Xem cht.27, kinh 977 dưới.

lành. Thi-bà, đó gọi là học những gì nên học.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thi-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 977. THI-BÀ (2)²⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà tại thành Vương xá. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Thi-bà²⁷ đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có một số xuất gia Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: ‘Tất cả những gì được giác tri bởi con người, tất cả những thứ ấy đều là nhân đã được tạo tác từ trước²⁸. Tu các khổ hạnh khiến cho các nghiệp quá khứ sạch hết, không còn tạo ra nghiệp mới, đoạn các nhân duyên, không còn các lậu trong đời vị lai. Vì các lậu đã hết nên nghiệp hết. Vì nghiệp hết nên hết khổ. Khổ hết nên rốt ráo biên tế của khổ.’ Nay chủ trương của Cù-đàm là như thế nào?”

Phật bảo Thi-bà:

“Sa-môn, Bà-la-môn kia thật sự nói một cách mơ hồ, không suy xét, không cân nhắc, ngu si, không khéo léo, không biện biệt. Vì sao? Hoặc khổ khởi lên do gió mà chúng sanh giác tri, hoặc khởi do đờm, hoặc khởi từ nước dãi, hoặc khởi từ đắng phần²⁹, hoặc do tự hại, hoặc do kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu. Người tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm giữa tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm

²⁶. Pāli, S.36.21. Sīvako. Biệt dịch, №100(211).

²⁷. Thi-bà ngoại đạo 尸婆外道 . Pāli: Moliya Sīvaka paribbājaka, tu sĩ bện tóc Sīvaka.

²⁸. Pāli: yañ kiñcāyañ purisapuggalo pañisañvedeti sukhañ vā dukkhañ vā adukkham-asukhañ vā sabbam tam pubbekatahetū 'ti: Bất cứ lạc thọ gì, khổ thọ gì, hay phi khổ phi lạc thọ gì, mà con người cảm thọ, tất cả đều là nhân được tạo tác từ trước.

²⁹. Đắng phần khởi, khởi lên do các yếu tố kể trên hợp lại.

trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ như vậy. Nay Thi-bà; đó gọi là tự hại. Còn khổ do hay kẻ khác hại là, hoặc bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đó gọi là kẻ khác làm hại.

“Này Thi-bà, hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa Đông thì thật lạnh, mùa Xuân thì thật nóng, mùa Hạ vừa nóng vừa lạnh. Đó là bị thời tiết hại. Những điều này thật cõi thế gian, chẳng phải hư vọng. Nay Thi-bà, thế gian có những thực tế này như bị gió làm hại... *cho đến* bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia giác tri như thật. Ông cũng tự có những tai họa này: gió, đờm, nước dãi, thời tiết làm hại,... *cho đến* biết thời tiết làm hại như vậy, được giác tri như thật như vậy.

“Này Thi-bà, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã được tạo từ trước, thì đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình.

“Này Thi-bà, có năm nhân năm duyên sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân bởi tham dục triền phược, duyên bởi tham dục triền phược mà sanh tâm pháp ưu khổ. Nhân bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược; duyên bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược sanh tâm pháp ưu khổ. Nay Thi-bà, đó là là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ?

“Này Thi-bà, có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ, lìa tham dục trói buộc, thì không khởi tâm ưu khổ. Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, ngay hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt những gì được thấy, duyên nơi chính mình mà giác tri.

“Này Thi-bà, lại có pháp hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, đó là tám Thánh đạo, chánh kiến... *cho đến* chánh định.”

Lúc nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cầu, đắc pháp nhân thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lìa hồ nghi, không do người khác, vào trong Chánh pháp luật, đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con có thể xuất gia, thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật chăng?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nay người được xuất gia...” *Nói như trên,... cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

**
*

KINH 978. THƯƠNG CHỦ³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la³¹ tại thôn Na-la. Bấy giờ tại thôn Na-la có Thương chủ³² xuất gia ngoại đạo, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia trước đây có một người thân, mệnh chung sanh về cõi trời. Ông ở cõi trời kia nhìn thấy Thương chủ xuất gia ngoại đạo, nghĩ rằng: “Ta muốn đến bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Thế Tôn, tu hành phạm hạnh. Sợ ông ta không nghe theo lời ta. Nay ta nên đến đó, bằng ý luận³³ khiến cho hỏi.”

Sau đó liền hiện thân xuống thôn Na-la, đến chỗ Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia và nói kệ rằng:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng thiện tri thức?
Sao là thiện tri thức,
Đồng một thể như mình?
Vì sao cầu đoạn đứt?
Làm sao lìa thiêu đốt?*

“Này Tiên nhân, nếu ông đem ý luận này hỏi những người kia, ai có thể giải rõ, nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì có thể theo người ấy xuất gia tu phạm hạnh.”

³⁰. Biệt dịch, №100(212).

³¹. Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣庵羅園.

³². Thương chủ 商主. №100(212): Na-li-bà-lực 那利婆力. Pāli: Nālivanīka?

³³. Ý luận 意論. №100(212): tâm trung mặc niệm 心中默念.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo nhận những lời mách bảo của vị Thiên nọ, đến chỗ Phú-la-na Ca-diếp đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được huống chi là có thể đáp lại.

Sau đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi Tử, San-xà-gia-tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-ba-la, Ca-la-câu-dà Ca-chiên-diên, Ni-càn-dà Nhã-đề Tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, tất cả đều không thể đáp.

Khi đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo nghĩ rằng: “Ta đem ý luận bài kệ này hỏi các bậc Thầy xuất gia, tất cả đều không đáp được. Nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ ngũ dục.” Lại suy nghĩ: “Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-dàm. Nhưng các vị Thầy Sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu như Phú-la-na Ca-diếp v.v... đều không thể đáp, mà Sa-môn Cù-dàm xuất gia tuổi trẻ, sao có thể thấu tỏ được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: ‘Chớ khinh người xuất gia tuổi trẻ mới học. Hoặc có Sa-môn xuất gia tuổi trẻ oai đức lớn.’ Hôm nay ta sẽ đến Sa-môn Cù-dàm, đem ý luận tâm niệm này để hỏi.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương chủ kia, liền nói kệ:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng là thiện hữu?
Trong tâm thật xấu, tởm,
Miệng nói tôi đồng tâm,
Việc làm không vui chung,
Biết không phải thiện hữu.
Miệng nói lời yêu mến,
Tâm chẳng thật tương ứng,
Việc làm cũng không đồng,
Bậc tuệ nên giác tri,
Đây là ác tri thức.
Cùng ta đồng một thể,
Sao là thiện tri thức?
Cùng ta đồng một thể,*

*Chẳng phải thiện hữu kia:
 Buông lung không chế ngự,
 Bại hoại, ôm nghi hoặc.
 Suy xét tìm manh mối,
 An nơi thiện tri thức,
 Như con trong lòng cha,
 Không phải kẻ bên ngoài:
 Đó là thiện tri thức.
 Vì sao cầu đoạn tận?
 Sanh vào nơi hoan hỷ,
 Trong mát, đáng khen ngợi,
 Tu tập quả phước lợi,
 Trọn tịnh lặng, mát mẻ,
 Cho nên cầu đoạn tận.
 Thế nào là thiêu đốt?
 Vị tịch tĩnh vắng lặng,
 Biết vị viễn ly kia,
 Viễn ly ác thiêu đốt,
 Ném được vị pháp hỷ,
 Tịch diệt lìa lửa dục,
 Đó gọi lìa thiêu đốt.*

Bấy giờ, Thương chủ xuất gia ngoại đạo tự nghĩ: “Sa-môn Cù-dàm đã biết tâm niệm của ta.” Liền bạch Phật:

“Nay con có được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cự túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật của Sa-môn Cù-dàm chăng?”

Phật bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo:

“Nay ông có thể được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cự túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Sau khi được xuất gia như vậy rồi ông tư duy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

**
*

KINH 979. TU-BẠT-ĐÀ-LA³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Sa-la song thọ, sanh địa của dòng họ Lực sĩ, nước Câu-di-na-kiệt³⁵. Bấy giờ Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc. Trong đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn, mà nhập Bát-niết-bàn.”

Khi ấy Tôn giả A-nan vâng lời dạy, treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về Bắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn đến nằm trên giường dây giữa hai cây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào ánh sáng, chánh niệm, chánh trí.

Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la³⁶, tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu, được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi, hy vọng mà an trú³⁷. Sa-môn Cù-dàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-dàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình’. Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cổng

³⁴. Cf. D.16 Mahāparinibbāna-suttanta (Ro ii. 149ff: Subhaddaparibbājakavatthu).
Biệt dịch, №100 (213), №100 (110).

³⁵. Câu-di-na-kiệt quốc Lực sĩ sanh xứ Kiên cố song thọ lâm 駁夷那竭國力士生處堅固雙樹林. Pāli: Kusinārā upavattanam Mallānam sālavanam.

³⁶. Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Pāli: Subhadda.

³⁷. Hy vọng nhi trụ 希望而住; đoạn dưới: tín tâm nhi trụ 信心而住. Tham chiếu Pāli: evam pasanno aham samaṇe gotame: Tôi có niềm tin như vậy nơi Sa-môn Gotama.

vườn. Tu-bat-dà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-dàm sẽ nhập Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, tôi có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-dàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-dàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi.”

A-nan đáp:

“Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm nhọc Thế Tôn!”

Qua ba lần Tu-bat-dà-la nài nỉ Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bat-dà-la nói:

“Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thuở xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-dàm-bát, nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, an trụ với tín tâm, vì Sa-môn Cù-dàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-dàm.”

A-nan lại đáp:

“Này Tu-bat-dà-la, hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên làm nhọc Thế Tôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn nhờ thiền nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bat-dà-la, liền bảo Tôn giả A-nan:

“Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bat-dà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo và đây là vị thiện lai Tỳ-kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bat-dà-la.”

Bấy giờ Tu-bat-dà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, thì vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-dàm, phàm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v..., mỗi người tự lập tông như vậy: ‘Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!’ Thế nào, thưa Cù-dàm, có đúng

là mỗi một phái đều có tông này chăng³⁸?”

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bat-đà-la nói kệ:

*Từ hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tu thiện đạo;
Thành đạo tới ngày nay,
Trải qua năm mươi năm.
Tam-muội, minh, hạnh đủ,
Thường tu tập tịnh giới:
Lìa chút đạo phần này,
Ngoài đây không Sa-môn.*

Phật bảo Tu-bat-đà-la:

“Ở trong Chánh pháp luật, ai không được tám Chánh đạo, thì cũng không được sơ quả Sa-môn, cũng không được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Nay Tu-bat-đà-la, ở trong Chánh pháp luật này, ai được tám Chánh đạo thì được Sơ quả Sa-môn, được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ quả Sa-môn. Ngoài đây ra, ngoại đạo không có Sa-môn. Ở đây các ông ngoại đạo kia, chỉ Sa-môn, Bà-la-môn suông mà thôi. Cho nên nay Ta ở trong chũng, rống lên tiếng rống sư tử.”

Khi Phật nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Tu-bat-đà-la lìa xa trần cấu, được pháp nhẫn tịnh. Khi ấy Tu-bat-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hổ nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong Chánh pháp luật đắc vô sở úy. Từ chỗ ngồi đứng lên, ông sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được Đại Sư, được làm đệ tử Đại Sư, được mưa pháp của Đại Sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay nếu tôi được xuất gia thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật, thì cũng sẽ được lợi ích như vậy.”

³⁸. Câu hỏi trong bản Pāli: *yeme bho gotama samaṇa-brāhmaṇā... seyyathidam
pūraṇo kassapo..., sabbete sakāya paṭīññāya abbhaññimṣu sabbeva na
abbhaññimṣu, udāhu ekacce abbhaññimṣu ekacce na sabbhaññimṣu: phàm
những Sa-môn, Bà-la-môn, như Phú-lan-na Ca-diếp,... Tất cả họ tự mình thừa
nhận đã chứng ngộ, hay tất cả không chứng ngộ, hay một số chứng ngộ, một số
không chứng ngộ?*

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xuất gia ngoại đạo Tu-bat-dà-la nay cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bat-dà-la:

“Tỳ-kheo này, hãy đến đây tu hành phạm hạnh.”

Ngay lúc ấy Tôn giả Tu-bat-dà-la liền được xuất gia thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Từ đó tư duy như vậy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bat-dà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, tự nghĩ: “Ta không nỡ nhìn Phật Bát-niết-bàn, ta sẽ Bát-niết-bàn trước.” Lúc này, Tôn giả Tu-bat-dà-la Bát-niết-bàn trước, sau đó Thế Tôn mới Bát-niết-bàn.

**

KINH 980. NIỆM TAM BẢO³⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hâu.

Bấy giờ nước Tỳ-xá-ly có nhiều khách buôn đến nước Đát-sát-thi-la⁴⁰, phương tiện trang nghiêm⁴¹. Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hâu. Nghe xong, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài ngồi im lặng. Các khách buôn từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con là những khách buôn, phương tiện trang nghiêm, muốn đi đến nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thế Tôn cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con.”

^{39.} Án Thuận, “48: Tương ưng Tạp” thuộc Tụng 7. Như Lai sở thuyết, gồm các kinh, Đại Chánh quyển 35, nửa cuối, kinh 980-992, quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245.

^{40.} Đát-sát-thi-la 恒刹尸羅.. Pāli: Takkasīlā, trung tâm thương mại và giáo dục được nhắc nhiều trong các Jataka, nhưng không hề được nói đến trong các kinh Pāli.

^{41.} Phương tiện trang nghiêm 方便莊嚴; chưa rõ nghĩa.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời cầu thỉnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật. Mỗi người trở về nhà mình sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống thơm ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, an trí nước sạch. Sáng sớm cho người đến bạch Phật đã đến giờ. Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, ngồi trên chỗ ngồi đã dọn. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn đặt những cái ghế nhỏ thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

“Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... cho đến Phật, Thế Tôn.’ Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm pháp sự, ‘Chánh pháp luật của Phật, được thấy trong hiện tại⁴², có thể xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận⁴³, duyên vào tự mình mà giác tri⁴⁴.’ Lại niệm Tăng sự, ‘đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... cho đến là ruộng phước của thế gian.’ Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.

“Thời quá khứ, Trời và A-tu-la đánh nhau, lúc ấy Thiên đế Thích bảo các chúng trời:

“Trong khi các ngươi cùng chiến đấu với bọn A-tu-la, nếu ai sanh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta gọi là ngọn cờ Chiến thắng⁴⁵. Khi niệm đến ngọn cờ này thì khủng bố liền tan, nếu ai không niệm đến ngọn cờ của ta, thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na⁴⁶, nếu

⁴² Nguyên Hán: hiện pháp 現法. Huyền Trang: hiện kiến 現見. Pāli: ehipassiko, pháp đến để thấy.

⁴³ Hán: thông đạt thân cận 通達親近. Huyền Trang: dẫn đạo cận quán 引道近觀: pháp có khả năng hướng dẫn, được quán sát trực tiếp.

⁴⁴ Hán: duyên tự giác tri 緣自覺知. Huyền Trang: trí giả nội chứng 智者內證, được chứng ngộ nội tâm bởi bậc trí.

⁴⁵ Hán: Tối phục tràng 摧伏幢. Xem kinh 981.

⁴⁶ Y-xá-na Thiên tử tràng 伊舍那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Pajāpatissa devarājassa dhajaggaṁ: chóp ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati (Sanh Chủ).

không niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xa-na thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Bà-lưu-na⁴⁷, lúc niệm đến ngọn cờ ấy, khảng bố liền tiêu trừ.

“Cũng vậy, các khách buôn, các ông ở nơi hoang vắng, bị khảng bố, thì nên niệm Như Lai sự, niệm Pháp sự, niệm Tăng sự.”

Thế Tôn vì các khách buôn Tỳ-xá-ly nói kệ tùy hỷ cúng dường:

*Cúng dường Tăng Tỳ-kheo,
Đồ ăn uống tùy thời;
Chuyên niệm chánh tư duy,
Chánh tri mà hành xả.
Tịnh vật, ruộng phước tốt,
Các ông đều đầy đủ.
Duyên công đức lợi này,
Lâu dài được an vui.
Khởi tâm mong cầu gì,
Các lợi đều ứng ngay.
Người vật thảy an ổn,
Đường sá qua lại tốt;
Đêm ngày đều an ổn,
Xa lìa mọi điều ác.
Như ruộng đất mầu mỡ,
Thuần chủng hạt giống tốt;
Thường vun tưới thấm nhuần,
Thu hoạch không thể kể.
Tịnh giới ruộng phước tốt,
Chủng tử thật tốt lành;
Cùng tùy thuận chánh hạnh,
Trọn thành tựu diệu quả.
Cho nên người bố thí,
Muốn cầu đủ công đức;
Phải hành theo trí tuệ,
Tự nhiên đủ các quả.*

⁴⁷. Bà-lưu-na Thiên tử tràng 婆留那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Varuṇassa devarājassa dhajaggam: chóp ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa.

*Đối Bậc Minh Hạnh Túc,
Chánh tâm tận cung kính;
Vun trồng các gốc lành,
Trọn được phước lợi lớn.
Biết thế gian như thật,
Chánh kiến được đầy đủ;
Chánh đạo thấy vẹn toàn,
Hoàn toàn mà tiến lên;
Xa lìa mọi trần cấu,
Chóng đắc đạo Niết-bàn.
Cứu cánh được thoát khổ,
Gọi là đủ công đức.*

Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly thuyết pháp, chỉ dạy soi sáng, làm cho an vui rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 981. CÂY PHƯỚN⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lóng dựng lên, thì nên niệm Phật, Pháp, Tăng, nói rộng như trước. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự thì mọi sự sợ hãi tự tiêu trừ.

“Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ Thích Đè-hoàn Nhân cùng đánh nhau với A-tu-la. Lúc ấy Đế Thích nói với các vị Tam thập tam thiên rằng: ‘Này các Nhân giả, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, nếu có ai sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lóng dựng đứng lên, thì các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta⁴⁹. Khi niệm đến ngọn cờ này, thì mọi sự sợ hãi đều tiêu trừ.’ Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hoặc ở trong nhà trống mà sanh lòng sợ

⁴⁸. Pāli, S.11.3. Dhajagga. Cf. N°125(24.1).

⁴⁹. Phục địch chi tràng 伏敵之幢 . Kinh 980: tối phục tràng 摧伏幢 . Pāli: dhajaggam ullokeyyyātha, các ông hãy nhìn lên đỉnh ngọn phướn.

hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì nén niệm Như Lai là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Đương lúc niệm Phật, thì sự sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Vì Thiên đế Thích này còn giữ lòng tham, sân, si, đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, không được giải thoát, kinh hoàng sợ hãi bỏ chạy, mà còn dặn lại chư Thiên Tam thập tam nén niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa tham, sân, si, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, không có điều sợ hãi, trốn tránh, mà không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi?"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 982. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (I)⁵⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na⁵¹ tại nước Sa-chỉ⁵². Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp, Ta có thể lược nói và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó."

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu có chúng sanh nào ở nơi thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có⁵³ ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc⁵⁴, cho đến ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng,

^{50.} Pāli, A. 3.32.2. Sāriputta.

^{51.} An-xà-na 安闍那. Pāli: Añjana-vana, khu rừng nai ở Sāketa.

^{52.} Sa-chỉ quốc 婆枳國. Pāli: Sāketa.

^{53.} Bản Pāli: na bhavissanti, (vì) (ai) sẽ không tồn tại.

^{54.} Tham chiếu Pāli: imasmiñca saviññāṇake kāye ahaṅkāramamaṅkāramāñāusaya na bhavissanti, trong thân có thức này sẽ không tồn tại các tùy miên (bản Hán: sử) tác thành ý niệm về ta và của ta.

thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vị ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sē không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát⁵⁵.

“Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo kia, ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có⁵⁶ kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Này Xá-lợi-phất, nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cùng hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy, do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Xá-lợi-phất, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ⁵⁷.

“Xá-lợi-phất, đối với điều này Ta có nói thêm khi giải đáp

⁵⁵. Đoạn văn Hán này hơi tối nghĩa. Tham khảo Pāli: yañca cetovimuttim paññāvīmuttim upasampajja vīharato ahañkāramamamkāramānānusayā na honti, tañca cetovimuttim paññāvīmuttim upasampajja viharati, (Tỳ-kheo) do chứng đắc và an trụ tâm giải thoát tuệ giải thoát nào mà ở đó các tùy miên của phức cảm tác thành ý niệm về ta và của ta không tồn tại, thì (Tỳ-kheo ấy) chứng và an trụ tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

⁵⁶. Pāli: na honti, (hiện tại) không tồn tại.

⁵⁷. Tham chiếu Pāli: acchecchi tañham vivattayi samyojanam sammā mānābhismayā antam akāsi dukkhassa, vị ấy đã cắt đứt khát ái, bứt bỏ kết sử, chân chánh hiện quán các mạn, đã tận cùng biên tế của khổ.

câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca⁵⁸.

*Thế gian, xét sai biệt,
Bất động mọi hoàn cảnh⁵⁹;
Ai tịch tĩnh, sạch bụi,
Bứt rẽ, không hy vọng⁶⁰;
Vượt qua biển ba hữu,
Không còn lo già chết⁶¹.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ Tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

KINH 983. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (2)⁶²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, một mình ở chỗ vắng tư duy, như vầy: “Nếu có người suy nghĩ như vầy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’”

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả A-nan đi đến

^{58.} Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca sở vấn 波羅延富鄰尼迦所問. Pāli: pārāyane puṇṇakapañhe. Cf. Sn.5.4. Puṇṇakamāṇava-pucchā.

^{59.} Pāli: saṅkhāya lokasmīm paroparāni, yassiñjitaṁ metthi kuhiñci loke, tư duy trong đời những gì là cao hay thấp; những ai không dao động trong mọi hoàn cảnh. Saṅkhāya (tư duy, tư trạch), bản Hán hiểu là Sổ.

^{60.} Vô hy vọng 無慚望, bản Thánh: vô minh. Pāli: nirāso.

^{61.} Kệ Pāli, Sn. 1048.

^{62.} Pāli, A. 3.32. Ānanda-Sāriputta.

chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình ở chỗ vắng con tư duy như vậy: Nếu có người nói như vậy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, ..., cho đến, tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’”

Phật dạy Tôn giả A-nan:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có người suy nghĩ như vậy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy’. A-nan, Tỳ-kheo đó ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã-sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’

“Này A-nan, nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài... *cho đến* tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.

“Này A-nan, ở đây Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Ba-la-diên Uu-dà-da⁶³.

*Đoạn tận tướng ái dục,
Uu khổ cũng đều lìa;
Tỉnh giác đối ngũ nghỉ,
Diệt trừ trạo hối cái.*

⁶³. Ba-la-diên Uu-dà-da sở vấn 波羅延憂陀耶所問. Pāli: Sn. 5.14. Udāyamānavapucchā.

*Xả tham, nhuế, thanh tịnh,
Hiện tiền quán sát pháp;
Ta nói trí giải thoát,
Diệt trừ màn vô minh⁶⁴.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

**

KINH 984. ÁI (1)⁶⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sē nói ái là lưỡi, là chất keo, là dòng suối, là rẽ sen⁶⁶. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắt, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

“Này các Tỳ-kheo, tại sao ái là lưỡi, là chất keo... cho đến lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn⁶⁷, ta như vầy, có ta⁶⁸, không ta⁶⁹, khác ta, ta sē tồn tại, ta sē không tồn tại, ta sē ước muốn, ta sē như vầy, ta sē khác khác, mong ta ước muốn (*tồn tại nơi đây*), mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác. Mười

^{64.} Kệ Pāli, Sn. 1106-1107.

^{65.} Pāli, A. 4.199. Taṇhā.

^{66.} Pāli: jālinīṃ saṃsaritam visatam visattikam: cái lưỡi được di chuyển, được bửa rộng, làm dính chặt.

^{67.} Dục ngã 欲我; có lẽ bản Hán đọc nhầm itthasmi: tôi hiện hữu ở đây, thành icchasi: tôi muốn.

^{68.} Hữu ngã 有我. Bản Hán đọc sata'smi (*tôi thường hăng*) thành sati'smi (*tôi đang hiện hữu*).

^{69.} Vô ngã. Bản Hán đọc asata'smi (*tôi không thường hăng*) thành asati'smi (*tôi không đang hiện hữu*).

tám ái hành⁷⁰ như vậy, phát khởi từ bên trong.

“Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy⁷¹... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁷⁰. Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhī ngã, hữu ngã, vô ngã, dī ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhī thời, đương dī dī ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhī ngã, hoặc dī, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhī nhiên, hoặc dī. 十八愛行: 有我, 欲我, 爾我, 有我, 無我, 異我, 當我, 不當我, 欲我, 當爾時, 當異異我, 或欲我, 或爾我, 或異, 或然, 或欲然, 或欲然, 或爾然, 或異. So sánh Pāli: atthārasa tanhā-vicaritāni: 1. asmi ti sati, 2. itthasmī ti hoti, 3. evasmīti hoti, 4. aññthasmīti hoti, 5. asatasmīti hoti, 6. satasmīti hoti, 7. santī hoti, 8. ittham̄ santi hoti, 9. evam̄ santi hoti, 10. aññathā santi hoti, 11. api ha santi hoti, 12. api ittham̄ santi hoti, 13. api evam̄ santi hoti, 14. api aññathā santi hoti, 15. bhivissanti hoti, 16. ittham̄ bhavissanti hoti, 17. evam̄ bhavissanti hoti, 18. aññathā bhavissanti hoti: 1. tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vậy, 4. tôi hiện hữu khác vậy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vậy, 10. tôi đang tồn tại khác như vậy, 11. ước gì tôi đang tồn tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vậy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vậy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

⁷¹. Pāli: imināsmī ti sati, iminā itthasmī ti hoti, iminā evam̄smī ti hoti: với những cái này tôi hiện hữu; với những cái này tôi tồn tại ở đây; với những cái này tôi như vậy...

KINH 985. ÁI (2)⁷²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có khi từ ái sanh ra ái, từ ái sanh ra nhuế, từ nhuế sanh ra ái, từ nhuế sanh ra nhuế”⁷³.

“Thế nào là từ ái sanh ra ái? Có người đối với chúng sanh⁷⁴ là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Mọi người khác đối với người này đáp lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó tự nghĩ: ‘Ta đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Những người khác đối xử với chúng sanh kia cũng hoan hỷ, đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích ý’⁷⁵. Cho nên ta lại sanh yêu mến mọi người khác.’ Đó gọi là từ ái sanh ra ái.

“Thế nào là từ ái sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng mà những người khác đối xử với chúng sanh kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia, là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng những người khác đối xử với người kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Cho nên ta sanh ra sân nhuế đối với mọi người kia.’ Đó gọi là từ ái sanh ra nhuế.

“Thế nào là từ nhuế sanh ra ái? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Những người khác lại đối xử với người kia không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý.”⁷⁶ Do đó

⁷². A.4.200. Pema.

⁷³. Pāli: cattāri pemāni, bốn sự luyến ái.

⁷⁴. Pāli: puggalo puggalassa iṭṭho hoti, một người này là khả ái đối với một người kia.

⁷⁵. Pāli: yo kho myāyam puggalo iṭṭho... tam pare iṭṭhena... samudācaranti, người mà đối với ta là khả ái, người ấy được mọi người đối xử một cách khả ái.

⁷⁶. Nhảy sót trong bản Hán. Theo văn mạch các đoạn trên, cần thêm: “Nó nghĩ như vầy: Ta đối với chúng sanh kia là không hoan hỷ... Những người khác đối với chúng sanh kia cũng không hoan hỷ... Do đó, Ta...”.

nên ta đối với những người khác sanh ra ái niệm⁷⁷. Đó gọi là từ nhuế sanh ra ái.

“Thế nào là từ nhuế sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Mọi người khác đối xử với người này lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Do đó ta sanh lòng sân nhuế đối với người khác ấy.’ Đó gọi là từ nhuế sanh ra nhuế.

“Nếu Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán... *cho đến* thành tựu an trụ Sơ thiền, *cho đến* Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì ái từ ái sanh, nhuế từ nhuế sanh, nhuế từ ái sanh, ái từ nhuế sanh, tất cả đều đã đoạn, đã biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo nào sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Chính lúc này không bốc lên, không chống trả⁷⁸, không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người⁷⁹.

“Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

“Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị bốc lên.

⁷⁷. Tức là, sanh ái niệm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa.

⁷⁸. Hán: *bất hoàn cử* 不還舉. Bản Hán thiếu. Theo văn dưới bổ túc.

⁷⁹. Hán: *bất tự cử*, *bất khởi trần*, *bất xí nhiên*, *bất hiềm bỉ* 不自舉, 不起塵, 不熾然不嫌彼. Pāli: *neva usseneti na paṭisсенeti na dhūpāyatī na pajjati na sampajjhāyatī*: không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô cằn.

“Thế nào là chống trả? Đối với người mạ ly thì mạ ly lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả.

“Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chưởi mà không mắng chưởi lại; đối với người sân giận mà không sân giận lại; đối với người đánh mà không đánh lại; đối với người xúc phạm mà không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

“Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái⁸⁰. Đó gọi là khởi trần lao.

“Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không khởi trần lao.

“Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục,... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục,... *cho đến* không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là hiềm người? Thấy ngã chân thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri⁸¹. Đó gọi là hiềm người.

“Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là không hiềm người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 986. HAI SỰ KHÓ ĐOẠN⁸²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

^{80.} Xem kinh 984 trên.

^{81.} Pāli: *asmimāno pahīno na hoti*, không đoạn trừ phước cảm (mạn) về ý tưởng “Tôi hiện hữu”.

^{82.} Không thấy Pāli tương đương.

“Có hai sự đoạn tuyệt khó duy trì. Những gì là hai? Nếu nơi người thế tục, nơi phi nhân, mà duy trì sự đoạn tuyệt đối với những nhu cầu của cuộc sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm v.v... đó là việc làm khó. Lại nữa, Tỳ-kheo là người xuất gia, không nhà, đoạn trừ tham ái. Duy trì sự đoạn tuyệt ấy cũng là một việc làm rất khó.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thế gian có hai việc,
Trì đoạn thì khó làm.
Đó là lời chân thật,
Những gì Phật đã biết.
Tại gia tiền thu chi,
Cơm áo mọi vật dụng,
Tham ái bởi thế gian,
Muốn đoạn rất khó khăn.
Tỳ-kheo đã lìa dục,
Tin xuất gia, không nhà;
Diệt trừ các tham ái,
Trì đoạn cũng khó làm.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 987. HAI PHÁP⁸³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta y chỉ, an trụ nhiều nơi hai pháp. Những gì là hai? Đó là, đối với các pháp thiện Ta chưa từng biết đủ; đối với việc đoạn pháp ác Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ cố gắng siêng năng, không bỏ thiện pháp, không được những điều chưa được thì quyết không dừng nghỉ; đối với tâm yếu kém chưa từng sanh vui mừng, lúc nào cũng ưa thích tiến lên,

⁸³. Không thấy Pāli tương đương.

vượt lên đạo cả. Vì sống tinh tấn như vậy nên mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với hai pháp này Tỳ-kheo nên y chỉ, an trú nhiều. Đối với các pháp thiện thì không sanh ý tưởng thỏa mãn. Y chỉ trên những đoạn trừ chưa từng lìa bỏ,... *cho đến* da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực không ngừng mới có thể tu tập pháp thiện. Cho nên Tỳ-kheo đối với các điều hạ liệt chờ nên⁸⁴ sanh ý tưởng hoan hỷ, hãy nên lúc nào cũng sống, tu tập thăng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, không bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: “Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.””

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 988. ĐẾ THÍCH (1)⁸⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thích Đè-hoàn Nhân, với hình sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên. Do oai lực của thân trời, ánh sánh chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Khi ấy, Thích Đè-hoàn Nhân bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã từng ở trong hang đá núi Cách giới⁸⁶ nói rằng: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận giải thoát, tâm khéo giải thoát, vị ấy đã tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh⁸⁷.’ Thế nào là Tỳ-kheo đã tận cùng mục

⁸⁴. Nguyên Hán sót phủ định từ. Theo nội dung, thêm vào.

⁸⁵. Pāli, S.40.10. Sakka.

⁸⁶. Cách giới sơn 瀾界山.

⁸⁷. Cf. Cūla-Taṇhāsaṅkhaya-sutta, M. i. 249: taṇhāsaṅkhayavimutto hoti accāntniṭṭho accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosāno seṭṭho devamanussānan ti: vị ấy giải thoát với khát ái đã tận diệt, đã tận cùng mục đích cứu cánh, tuyệt đối an ổn thoát khỏi gông cùm, tuyệt đối phạm hạnh, tuyệt đối viên mãn, tối thượng giữa chư Thiên và Nhân loại.

đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh?”

Phật bảo Đề Thích:

“Tỳ-kheo nào biết như thật khi tiếp nhận những cảm giác có được hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc; biết như thật về các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất. Sau khi đã biết như thật rồi, quán sát thọ kia vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Sau khi đã quán sát như vậy, chắc chắn đi đến tận cùng, tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh.

“Này Câu-thi-ca, đó gọi là Tỳ-kheo đi đến tận cùng trong Chánh pháp luật, tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh... *cho đến* Thiên đế Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

**
*

KINH 989. ĐỀ THÍCH (2)⁸⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, cuối đêm dậy kinh hành, trông thấy có ánh sáng chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thấy rồi liền nghĩ: ‘Đêm nay hoặc có Đại lực quỷ thần đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này.’

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cuối đêm qua con ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chói lợi chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Thấy rồi nghĩ thầm: ‘Chắc có vị Đại lực quỷ thần nào đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này.’”

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

‘Cuối đêm qua Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên...’ *Nói rộng như kinh trên...* hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ mà lui.

**

⁸⁸. Tham chiếu kinh 988 trên. Cf. M.i.320 (Cūla-Tañhāsaṅkhaya-sutta).

KINH 990. LỘC TRÚ (1)⁸⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà tại thành Vương xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát, đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ⁹⁰. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan vội vàng sửa soạn chỗ ngồi và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lạy dưới chân Tôn giả A-nan, rồi đứng lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Thưa Tôn giả, pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na⁹¹ trước kia tu phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ⁹². Còn chú là Lê-sư-đạt-đa⁹³ không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sanh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biền tế của khổ.

“Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau và đời sau của họ cũng giống nhau?”

A-nan đáp:

“Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tính sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian.”

Nói như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đánh lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của

^{89.} Pāli, A.10.75. Migasālā.

^{90.} Lộc Trụ Ưu-bà-di 鹿住優婆夷. Pāli: Migasālā upāsikā.

^{91.} Phú-lan-na 富蘭那. Pāli: Pūraṇa.

^{92.} Hán: phàm bỉ 凡鄙. Pāli: Ārācāri virato methunā gāmadhammā, là người ẩn dật, sống xa lánh các pháp dâm dục thấp hèn.

^{93.} Lê-sư-đạt-đa 梨師達多. Pāli: Isidatta.

chúng sanh thế gian. A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Nay A-nan, hoặc⁹⁴ có một người phạm giới⁹⁵. Người ấy không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Lại có một người phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những người này, so sánh mà nói rằng: ‘Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, ở đây cả hai phải cùng sanh một chỗ, đồng thọ sanh như nhau và đời sau cũng như nhau.’ Người nào so sánh như vậy, sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

“Nay A-nan, người phạm giới kia, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này thoái đọa, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái đọa.

“A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thoái đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

“Cho nên, nay A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người. Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.

“Như hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

“Hoặc người trao cử tháo động⁹⁶, không biết như thật đối với

⁹⁴. Pāli: dasayime... puggalā santo samvijjamānā lokasmim, có mười hạng người này hiện diện trong thế gian.

⁹⁵. Phạm giới 犯戒. Pāli: duśīla, ác giới.

⁹⁶. Hán: trao động 掉動, hay trao cử. Pāli: uddhata.

tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

“Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn.

“Hoặc người khổ tham⁹⁷, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự khổ tham của họ đã diệt không còn.”

Ô uế và thanh tịnh, cũng được nói như trên... *cho đến* “Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.”

“Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên đối với việc thuyết pháp nhất hướng của Như Lai tâm sanh hồ nghi. Thế nào, A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Phật bảo A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Như Lai nói pháp nếu là hai thì điều này không thể có. Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sanh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? A-nan, Phú-lan-na trì giới hơn, còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, thì Ta nói hai người cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-dà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sanh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.

“Giữa hai người này nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sanh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁹⁷. Khổ tham 苦貪. Pāli: tibbarāgo, ham muốn rất kịch liệt.

KINH 991. LỘC TRÚ (2)⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật hạ an cư tại ấp Lưu-lợi⁹⁹ trong thành Di họ Thích. Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ an cư trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đi đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tỳ-kheo vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo an tọa. Nói giống như kinh A-nan ở trước. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nói với Ưu-bà-di Lộc Trụ:

“Này cô, hãy thôi đi! Cô làm sao biết được cẩn tính ưu, liệt của chúng sanh. Ngày nay, chỉ có Như Lai mới có thể biết được cẩn tính ưu, liệt của chúng sanh. Nói như vậy xong Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tỳ-kheo kia sau ba tháng hạ an cư, may y xong, đắp y mang bát đi đến ấp Lưu-lợi, thành Di của họ Thích, cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-di Lộc Trụ trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được cẩn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ cẩn tính hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi.

“Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát.

“Ngày Tỳ-kheo, lại có một người không lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát. Nếu suy xét về chúng, rằng: ‘Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, thì ở đây họ cùng đi đến một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau như nhau.’ Người nào so sánh như vậy,

^{98.} Pāli, A. 6.44. Migasālā.

^{99.} Thích thị Di thành Lưu-lợi 釋氏彌城留利邑.

thường chịu khổ, không nghĩa, không lợi ích.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ hẹp hòi nhởnدون, thấp kém.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát, Ta nói người này là thắng diệu bậc nhất.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ. Cho nên, này Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia... *cho đến* Như Lai mới có thể biết cẩn tính ưu, liệt.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân, mạn, lúc nào cũng khởi ác hành nơi miệng...” *Còn lại, nói như trên đã nói.*

“Lại nữa, có người hiền thiện, an vui, cùng sống vui thích minh trí, người tu phạm hạnh thích ở chung, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... *cho đến* lúc nào cũng không được tâm giải thoát, nên biết người này trụ nơi đất hiền thiện, mà không thể thăng tiến. Chỗ đất hiền thiện đó là cõi trời, người.

“Lại nữa, có người cẩn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích phạm hạnh, lấy làm bạn hữu, ưa nghe Chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều phục kiến chấp, lúc nào cũng được tâm pháp giải thoát, nên biết người này ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp, có chỗ kham nǎng.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì sẽ chuốc lấy tai hại, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi.

“Này Tỳ-kheo, Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ngu si, trí kém...” *Nói như kinh trên.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 992. PHƯỚC ĐIỀN¹⁰⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?”

Phật bảo gia chủ:

“Thế gian có hai loại ruộng phước. Những gì là hai? Đó là hữu học cùng vô học.”

Và nói kệ:

*Đời có Học, Vô học,
Đại hội thường kính thỉnh;
Tâm ngay thẳng chân thật,
Thân, miệng cũng như vậy.
Đó là ruộng phước tốt,
Người thí được quả lớn.*

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



¹⁰⁰. Pāli, A.2.4.4. Dakkhinayā. Biệt dịch, №26(127).

TẠP A-HÀM QUYỂN 36

KINH 993. TÁN THƯỢNG TỌA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các Thượng tọa Tỳ-kheo, sống y chỉ bên cạnh Phật như Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá² đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ-kheo một.” Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

*Tỳ-kheo Tôi thương tọa,
 Đã đoạn các tham dục;
 Vượt khỏi các thế gian,
 Tất cả mọi tích tụ;
 Trí sâu, ít nói năng,
 Đong đongs siêng phương tiện;
 Đạo đức sạch sáng ngời:
 Con nay cúi đầu lạy.*

1. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng, Tương ưng 24. Bà-kỳ-xá”. Gồm mười sáu kinh, Đại Chánh, quyển 45 (nửa sau), kinh 1208-1221; quyển 36, hai kinh đầu, 993-994. Quốc Dịch, quyển 40, “8. Tương ưng Bà-kỳ-xá”, phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, “24, Tương ưng Bà-kỳ-xá” tiếp theo, kinh 15. Phật Quang, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Pāli, không thấy. Biệt dịch, №100(256).

2. Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Pāli: Vāṇīsa, biện tài đệ nhất.

*Đắng hàng phục ma oán,
Xa lìa nơi đám đông;
Không bị năm dục trói,
Thường ở nơi vắng lặng;
Rỗng suối, ít ham muộn:
Con nay cúi đầu lạy.
Thắng tộc Giá-la-diên,
Thiền tu không phóng dật,
Nội tâm vui chánh thọ,
Trong sạch lìa bụi nhơ,
Tuệ biện hiển nghĩa sâu:
Cho nên con cúi lạy.
Đắng đạt Thần thông tuệ,
Vượt qua sức thần thông;
Trong sáu thứ thần thông,
Tự tại không sợ hãi;
Là thần thông tối thắng:
Cho nên con cúi lạy.
Chúng sanh nơi năm đường,
Cho đến cõi Phạm thế;
Trời, người tướng ưu liệt,
Trong đại thiên thế giới;
Mắt tịnh thiên thấy hết:
Cho nên con cúi lạy.
Sức phương tiện tinh cần,
Đoạn trừ tập khởi ái;
Xé toạc lưới sanh tử,
Tâm thường vui Chánh pháp;
Lìa các tướng hy vọng,
Vượt qua bờ bên kia;
Trong sạch, không bụi nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Thoát hẳn mọi sợ hãi,
Lìa tài vật, không dính;
Biết đủ, không nghi hoặc,*

*Hàng phục giặc ma oán;
 Quán niêm thân thanh tịnh:
 Cho nên con cùi lạy.
 Không có các thế gian,
 Rừng gai góc phiền não;
 Trù hẵn kết phược sủ,
 Dứt nhân duyên ba cõi;
 Tinh luyện diệt các cầu,
 Rốt cùng sáng hiện bày;
 Nơi rừng lìa khỏi rừng:
 Cho nên con cùi lạy.
 Dứt giả trá, si, nhuế,
 Điều phục các ái hỷ;
 Ra khỏi mọi kiến xứ,
 Không cửa nhà nương tựa;
 Thanh tịnh không vết nhơ:
 Cho nên con cùi lạy.
 Tâm kia chuyển tự tại,
 Kiên cố không khuynh động;
 Trí tuệ đại đức lực,
 Khuất phục ma khó phục;
 Đoạn trừ kết vô minh:
 Cho nên con cùi lạy.
 Đại nhân xa tối tăm,
 Đấng Mâu-ni vắng lặng,
 Chánh pháp lìa lỗi nhơ,
 Ánh sáng tự hiện chiếu,
 Soi khắp mọi thế giới,
 Cho nên gọi là Phật.
 Địa thần, hư không thiên,
 Thiên tử Tam thập tam;
 Ánh sáng ắt bị che,
 Cho nên gọi là Phật.
 Qua bờ sanh tử hữu,
 Siêu việt vượt mọi loài;*

*Mềm mỏng khéo điều phục,
Chánh giác đệ nhất giác;
Đoạn tận mọi kết phược,
Hàng phục các ngoại đạo;
Đập tan bọn ma oán,
Đắc Vô thượng Chánh giác;
Lià trần diệt các cầu:
Cho nên con cūi lạy.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

**
*

KINH 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN PHẬT³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

“Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: ‘Tôn giả Bà-kỳ-xá đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít náo và sống khinh lợi, an vui chẳng?’ Lại nói tiếp: ‘Tôn giả Bà-kỳ-xá ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông’.”

Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

“Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nặng nguy khốn; muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài vì thương

³. Biệt dịch, №100(257).

xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lỗ dưới chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kỳ-xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

“Bà-kỳ-xá chờ nênh khinh động.”

Thế Tôn liền ngồi xuống hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

“Những bệnh khổ của ông có bình hòa, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm.” Nói đầy đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước... *cho đến* “...những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Ông đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các diên đảo, phải không?”

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

“Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các diên đảo.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Làm sao ông có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các diên đảo?”

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

“Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các diên đảo, an trụ chánh họ. Cũng vậy, với nhī, tỳ, thiệt, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận thức bởi ý, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh,

viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhớ, lìa các đê mê, an trụ chánh thọ. Xin Đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Nên biết đúng lúc."

Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước và nói kệ:

*Nay con ở trước Phật,
Cúi đầu cung kính lạy.
Đối với tất cả pháp,
Thầy đều được giải thoát.
Khéo hiểu các tướng pháp,
Tin sâu, vui Chánh pháp.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,
Thế Tôn là Đại Sư.
Thế Tôn hàng ma oán,
Thế Tôn Đại Mâu-ni;
Diệt trừ tất cả súc,
Tự độ các loài sanh.
Thế Tôn đối thế gian,
Giác tri tất cả pháp.
Thế gian ắt không có
Ai biết pháp hơn Phật.
Ở trong cõi Thiên, Nhân,
Cũng không ai bằng Phật.
Cho nên hôm nay con,
Lễ bậc Đại tinh tấn,
Cúi đầu lễ Thượng sĩ,
Lễ đẳng Đại tinh tấn,
Đã nhổ gai ái dục.
Hôm nay giờ phút cuối,
Con được thấy Thế Tôn.
Cúi lễ đẳng Nhật chủng,
Đêm nay Bát-niết-bàn.
Chánh trí buộc chánh niệm,
Đối thân hư hoại này;*

Các dư lực còn lại,
 Từ đêm nay diệt hẳn.
 Ba cõi không còn nhiễm,
 Vào Vô dư Niết-bàn.
 Cảm thọ khổ và vui,
 Cũng không khổ không vui;
 Từ nhân duyên xúc sanh,
 Hôm nay ắt đoạn tận.
 Khổ thọ và lạc thọ,
 Cũng không khổ không vui;
 Từ nhân duyên xúc sanh,
 Hôm nay đều biến tri.
 Hoặc bên trong, bên ngoài,
 Các cảm thọ khổ vui;
 Đối thọ không chở đắm,
 Chánh trí chánh buộc tâm;
 Ban đầu, giữa, sau cùng,
 Các tự không chướng ngại.
 Các tự đã đoạn rồi,
 Biết rõ ái không còn.
 Người thấy rõ chân thật,
 Nói chín mươi mốt kiếp;
 Trong ba kiếp không trống,
 Có dâng Đại Tiên nhân.
 Cõi không không nơi tựa,
 Chỉ sợ kiếp khủng bố.
 Nên biết Đại Tiên nhân,
 Lại xuất hiện thế gian,
 An ủi các trời, người,
 Mở mắt, lìa bụi mờ;
 Thức tỉnh các chúng sanh,
 Cho biết mọi thứ khổ:
 Khổ khổ và khổ tập,
 Tịch diệt, vượt qua khổ;
 Bát Thánh đạo Hiền thánh,

An ổn đến Niết-bàn.
Điều thế gian khó được,
Hiện tiền tất đã được;
Đời này, được thân người,
Chánh pháp được diễn nói.
Theo những gì mình muốn,
Lìa cấu cầu thanh tịnh;
Chuyên tu tự lợi mình,
Chớ khiến rỗng không quả.
Luống không thời sanh lo,
Gần nơi địa ngục khổ.
Đối Chánh pháp được nói,
Không thích, không muốn nhận;
Sẽ ở lâu sanh tử,
Bao giờ dứt luân hồi!
Trường kỳ ôm ưu não,
Như người buôn mất cửa.
Nay con đủ mọi tốt,
Không còn sanh, già, chết.
Luân hồi đã chấm dứt,
Không còn sanh lại nữa.
Dòng nước sông ái, thức,
Từ nay tất cạn khô.
Đã nhổ cội rễ uẩn,
Khoen xích không tiếp nối.
Cúng đường Đại Sư xong,
Việc làm đã hoàn tất,
Gánh nặng đã buông xuồng,
Hữu lưu đã đoạn xong;
Không còn thích thọ sanh,
Không còn tử đáng ghét;
Chánh trí, chánh buộc niệm,
Chỉ chờ phút cuối cùng.
Long tượng nhớ rừng hoang,
Sáu mươi thú hùng mạnh,

*Một mai thoát gông xiềng,
 Thông dong trong rừng núi.
 Bà-kỳ-xá cũng vậy,
 Miệng Đại Sư sanh con;
 Chán bõ lìa đồ chúng,
 Chánh niệm chờ thời đến.
 Nay nói với mọi người,
 Những ai đến tụ hội;
 Nghe kệ Ta sau cùng,
 Nghĩa chúng được lợi ích.
 Có sanh ắt có diệt,
 Các hành đều vô thường.
 Pháp chóng sanh, chóng tử,
 Nào đáng nương cây lâu.
 Nên phải có chí mạnh,
 Tinh cần cầu phương tiện;
 Quán sát có sơ hãi,
 Tùy thuận đạo Mâu-ni,
 Mau hết khổ ấm này,
 Chớ tăng thêm luân chuyển.
 Dứa con từ miệng Phật,
 Khen nói kệ này xong;
 Xin từ biệt đại chúng,
 Bà-kỳ-xá Niết-bàn.
 Vì tấm lòng từ bi,
 Nói kệ vô thương này;
 Tôn giả Bà-kỳ-xá,
 Con sanh từ pháp Phật.
 Do rũ lòng bi mẫn,
 Nói kệ Vô thương này;
 Sau đó Bát-niết-bàn,
 Tất cả nên kính lẽ.⁴*

**
*

^{4.} Tương ứng Bà-kỳ-xá sẽ được tiếp nối nơi quyển 45 (nửa sau), kinh 1028-1221.

KINH 995. A-LUYỆN-NHÃ⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Tỳ-kheo A-luyễn-nhã⁶,
An trú nơi vắng vẻ⁷,
Lặng lẽ tu phạm hạnh,
Ăn chỉ một lần ngồi⁸,
Do vì nhân duyên gì,
Nhан sắc được tươi sáng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Với quá khứ không lo,
Vì lai không mơ thích;
Hiện tại tùy chỗ được,
Chánh trí buộc giữ niệm.
Ăn uống luôn buộc niệm,
Nhан sắc thường tươi sáng.
Tâm, tưởng ruỗi vì lai,
Buồn tiếc theo quá khứ;
Lửa ngu si tự nấu,
Như mưa đá chết cỏ.*

5. Án Thuận, "25. Tương ưng chư Thiên", một trăm lẻ tám kinh: 1324-1431, tương đương Đại Chánh, kinh 995-1022 (quyển 36), 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Tương đương Pāli, S.1. Devatā-samyutta. Quốc Dịch, phẩm 1, gồm chín kinh, Đại Chánh kinh 995-1003. Pāli, S.1.1.10. Arañña. Biệt dịch, N°100(132).
6. A-luyễn-nhã 阿練若. Pāli: araññaka, vị (Tỳ-kheo) sống trong rừng. Một trong mười hai hạnh đầu đà.
7. Hán: không nhàn xứ 空閑處. Pāli: araññe, chỗ rừng vắng.
8. Nhất tọa thực 一坐食, chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ ngọ. Một trong mười hai hạnh đầu đà. Pāli: ekabhattam = ekāsanabhatta.

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 996. KIÊU MẠN⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Không khéo điều phục tâm,
Khởi dục vọng kiêu mạn¹⁰;
Chưa từng tu tịch mạc,
Cũng chẳng vào chánh thọ¹¹.
Ở rừng mà phóng dật,
Không qua đến bờ kia¹².*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

⁹. Pāli, S.1.9. Mānakāma. Biệt dịch, N°100(133).

¹⁰ Hán: bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỵ tâm 不欲起憍慢, 善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung và đối chiếu Pāli, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Pāli: na mānakāmassa damo idhatthi, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

¹¹. Pāli: na monam atthi asamāhitassa, không có Mâu-ni (tịch mạc) đối với tâm không định tĩnh.

¹². Pāli: na maccudheyyassa tareyya pāran' ti, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thần.

*Đã lìa nơi kiêu mạn,
Tâm thường vào chánh định;
Trí sáng khéo phân biệt,
Giải thoát tất cả phược.
Một mình nơi rừng vắng,
Tâm này không phóng dật;
Nhanh chóng vượt qua bờ
Kẻ thù tử ma kia.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG¹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao được ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng?
Làm sao sanh cõi trời?
Xin Ngài giải nói rõ.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trồng vườn cây ăn quả,
Rừng cây cho bóng mát;*

^{13.} Pāli, S.1.47. Vanaropa. Biệt dịch, N°100(134).

*Cầu, thuyền dùng qua sông,
Tạo ra nhà phước đức;
Đào giếng giúp đỡ khát,
Khách xá giúp lữ hành;
Những công đức như vậy,
Ngày đêm thường tăng trưởng.
Giới đầy đủ như pháp,
Nhờ đó sanh cõi trời.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN¹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thí gì được sức lớn?
Thí gì được diệu sắc?
Thí gì được an vui?
Thí gì được mắt sáng?
Tu tập những thí nào,
Gọi là nhất thiết thí?
Nay xin hỏi Thế Tôn,
Xin Ngài phân biệt nói.*

^{14.} Pāli, S.1.42. Kinhdada. Biệt dịch, №100(235).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thí ăn được sức lớn,
Thí y được diệu sắc;
Thí xe được an vui,
Thí đèn được mắt sáng;
Lữ quán để tiếp khách¹⁵,
Gọi là nhất thiết thí.
Đem pháp để dạy người,
Đó là thí cam lộ¹⁶.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 999. HOAN HỶ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-bề-lê¹⁸, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

*Chư Thiên và người đời,
Đều ua thích thức ăn;*

^{15.} Pāli: upassaya, phòng xá, hay phòng trọ.

^{16.} Pāli: amataṃ dādo, cho sự bất tử.

^{17.} Pāli, S.1.43. Anna (thực); S.2.23. Serī.

^{18.} Tất-bề-lê 悉 韜 梨 . Pāli: Serī devaputto.

*Vậy có các thế gian,
Phước lạc tự theo chăng¹⁹?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.*

Thiên tử Tất-bè-lê này bạch Phật:

“Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau;
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng;
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.*

Thiên tử Tất-bè-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ, đã từng làm quốc vương tên Tất-bè-lê, bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Và ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó cũng bố thí làm phước.

“Lúc ấy đệ nhất phu nhân đến nói với con: ‘Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.’

“Khi đó, con nói: ‘Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhân.’

“Các vương tử cũng đến tâu với con: ‘Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm

^{19.} Pāli: atha ko nāma so yakkho, yaṁ annaṁ nābhinandatī ti, có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn?

các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.’

“Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con bảo: ‘Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ngươi.’

“Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con và tâu con rằng: ‘Đại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.’

“Khi đó, con đáp: ‘Này Thiện nam, các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cung ứng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.’

“Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

“Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niêm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tất-la-do, Y-la-bat-đề, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu héc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn.”

Thiên tử Tất-bè-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

**

KINH 1000. VIỄN DU²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Người nào có thể làm
 Thiện tri thức viễn du²¹?
 Người nào có thể làm
 Thiện tri thức tại gia?
 Người nào có thể làm
 Thiện tri thức thông tài²²?
 Người nào có thể làm
 Thiện tri thức đời sau?*

²⁰. Pāli, S.1.53. Mitta. Biệt dịch, №100 (237).

²¹. Pāli: pavasato mittam, bạn trong khi đi đường.

²². Hán: thông tài thiện tri thức 通財 善知識. Pāli: mittam atthajātassa, bạn hiểu biết công việc, bạn khi cần.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người dẫn đầu đoàn buôn,
Thiện tri thức du hành.
Vợ hiền lương trinh chính,
Thiện tri thức tại gia.
Thân tộc gần gũi nhau,
Thiện tri thức thông tài.
Công đức minh tu tập,
Thiện tri thức đời sau.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lê dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1001. XÂM BÚC²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoán mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy già, bệnh, chết đó,
Khiến người sợ vô cùng.*

²³. Pāli, S.1.3. Upaneyya; S.2.2.9. Uttara. Biệt dịch, №100(138).

*Chỉ làm các công đức,
Vui đi đến chỗ vui.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vận tôi đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy lỗi hữu dư này,
Khiến người sơ vô cùng:
Đoạn tham ái ở đời,
Nhập Niết-bàn vô dư.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1002. ĐOẠN TRỪ²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật; ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Đối mấy pháp đoạn trừ?
Mấy pháp nên vất bỏ?
Và đối với mấy pháp,
Tăng thương phương tiện tu?*

²⁴. Pāli, S.1.5. Kati chande. Biệt dịch, N°100(140).

*Phải siêu việt mẩy tu²⁵,
Tỳ-kheo vượt dòng siết²⁶?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm đoạn trừ, năm xả²⁷,
Đối năm căn tu thêm²⁸,
Vượt lên năm hòa hợp²⁹,
Tỳ-kheo qua dòng sâu.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

‘Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1003. TỈNH NGỦ³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mấy người ngủ khi thức?
Mấy người thức khi ngủ³¹?*

²⁵. Pāli: saṅgātigo, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.

²⁶. Pāli: oghatiṇṇo, (người) vượt qua dòng thác.

²⁷. Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.

²⁸. Năm căn, chỉ năm vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.

²⁹. Năm hòa hiệp, chỉ năm kết: tham, sân,恚, tật đố, keo kiệt (xan). Pāli: pañca saṅgātigo.

³⁰. Pāli, S.1.6. Jāgara. Biệt dịch, N°100 (141).

³¹. Pāli: katī jāgarataṃ suttā, katī suttesu jāgarā, bao nhiêu (pháp) mình ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) mình thức khi người ngủ?

*Mấy người đắm bụi nhơ?
Mấy người được thanh tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm người ngủ khi thức.
Năm người thức khi ngủ.
Năm người đắm bụi nhơ.
Năm người được thanh tịnh³².*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lê dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 1004. HỒ TƯƠNG HOAN HỶ³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lê dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mẹ con vui với nhau,
Trâu chúa thích trâu mình.
Chúng sanh thích hữu dư³⁴,
Không ai thích vô dư.*

³². Biệt dịch Tạp A-hàm 8, kinh 10: Người trì năm giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo năm ác, tuy thức mà ngủ. Bị năm cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có năm Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.

³³. Quốc Dịch, "9. Tương ưng chư Thiên, phẩm 2". Pāli, S.1.12. Nandati. S.4.1.8. Nandana. Biệt dịch, №100(142).

³⁴. Chỉ hữu y hay sanh y. Pāli: upadhi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mẹ con lo lẫn nhau,
Trâu chúa lo trâu mình;
Hữu dư chúng sanh lo,
Vô dư thì không lo.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vì Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 1005. NGƯỜI VẬT³⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì là của người?
Cái gì bạn bậc nhất?
Cái gì để nuôi sống?
Chúng sanh nương nơi nào?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ruộng, nhà: của chúng sanh.
Vợ hiền: bạn bậc nhất;
Ăn uống để nuôi sống,
Chúng sanh nương vào nghiệp.*

³⁵. Pāli, S.1.54. Vatthu. Biệt dịch, №100(231).

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1006. YÊU AI HƠN CON³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Yêu ai hơn yêu con.
Của nào quý hơn bò.
Sáng gì hơn mặt trời.
Tát-la³⁷ không hơn biển.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Yêu ai bằng yêu mình.
Tiền của nào hơn thóc.
Sáng gì hơn trí tuệ,
Tát-la đâu bằng thấy³⁸.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

³⁶. Pāli, S.1.13. Natthiputtasama. Biệt dịch, №100(232).

³⁷. Tát-la 薩羅 . Pāli: sara, chỉ biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương (Samudda).

³⁸. Pāli: vuṭṭhi ve paramā sarā ti, mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc là dīṭṭhi (thấy, kiến) thay vì vuṭṭhi (mưa).

*Mọi sự hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lể dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 1007. SÁT-LỢI³⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Hai chân, Sát-lợi tôn.
Bốn chân, bò đực⁴⁰ hơn.
Trẻ đẹp⁴¹ là vợ nhất,
Quý sanh⁴² là con nhất.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hai chân, Chánh giác tôn.
Bốn chân, ngựa thuần hơn.
Thuận chồng là vợ hiền,
Lâu tận con quý nhất⁴³.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

³⁹. Pāli, S.1.2.4. Khattiya. Biệt dịch, №100 (233).

⁴⁰. Phong ngưu 犀牛. Pāli: balivaddo, bò đực.

⁴¹. Hán: đồng anh 童英. Pāli: komari, đồng nữ, thiếu nữ, quý nữ.

⁴². Quý sanh 貴生. Pāli: pubbaja, sanh trước, con trai trưởng.

⁴³. Pāli: yo ca puttānam assavo'ti, hiểu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm assava (trung thực, hiểu thuận) thành asava rồi hiểu là tinh lược của anāsava (vô lậu).

*Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1008. CHỦNG TỬ⁴⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi rụng xuống,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh⁴⁵,
Cái gì là bậc nhất?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Lúc ấy có một Thiên tử vốn con nhà nông, nay được sanh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

*Ngữ cốc từ đất sanh,
Thì đó là tối thắng.
Hạt giống từ không trung,
Rơi xuống đất hơn hết.*

⁴⁴. Quốc Dịch phân thành hai kinh: Chửng tử kinh, Thế gian kinh. Pāli, S.1.74. Vuttī; S.1.70. Loka. Biệt dịch, N°100 (234, 235).

⁴⁵. Hán: kỳ thỉnh xứ 祈 請 處. Pāli: pavajamānānam, trong những cái di lang thang. Bản Hán đọc là pavāraṇā.

*Con bò giúp đỡ người⁴⁶,
Chỗ cậy nhờ tốt nhất.
Lời nói yêu con cái,
Đây là lời hay nhất.*

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị Thiên tử trả lời:
“Tôi không hỏi đến anh, cớ sao lại nhiều lời khinh tháo vọng nói.
Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

*Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi xuống đất,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh,
Cái gì là tối thắng?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Từ dưới đất vọt lên,
Tam minh là tối thượng⁴⁷.
Từ hư không rơi xuống,
Tam minh cũng bậc nhất.
Chúng đệ tử Hiền thánh,
Là thầy nương cao quý⁴⁸.
Những gì Như Lai nói,
Là biện thuyết bậc nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Thế gian mấy pháp khởi⁴⁹?
Mấy pháp được thuận theo⁵⁰?*

^{46.} Pāli: gāvo pavajamānānam, trong các con đi lang thang, con bò (là bậc nhất).

^{47.} Pāli: avijjā nipatataṃ varā, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.

^{48.} Hán: sư y 师 依 . Pāli: saṅgho pavajamānānam, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.

^{49.} Pāli: kismiṃ loko samupamuppanno, thế gian tập khởi trên cái gì?

^{50.} Pāli: kismiṃ kubbatī santhavam, (thế gian) kết hợp trên cái gì?

*Đời mấy pháp thủ ái⁵¹?
Đời mấy pháp tổn giảm⁵²?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đời khởi do sáu pháp⁵³.
Đời thuận hiệp sáu pháp.
Đời, sáu pháp thủ ái
Đời, sáu pháp tổn giảm.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1009. TÂM⁵⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chõ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Ai lôi thế gian đi?
Ai câu dẫn thế gian⁵⁵?
Cái gì là một pháp,
Chế ngự nơi thế gian?*

⁵¹: Thủ ái 取愛. Pāli: *kissa loko upādāya*, thế gian chấp thủ cái gì?

⁵²: Pāli: *kisminī loko vihaññāti*, thế gian bị cái gì bức khổ?

⁵³: Sáu pháp chỉ sáu xứ.

⁵⁴: Pāli, S.1.62. Citta. Biệt dịch, N°100(236).

⁵⁵: Câu khiên 拘牽. Ấm Thuận đọc là câu dẫn 拘引]. Pāli: *kenassu parikissati*, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là *parikassati*, lôi kéo đi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm đem thế gian đi,
Tâm câu dẫn thế gian;
Tâm kia là một pháp,
Hay chế ngự thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1010. PHƯỢC⁵⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì trói thế gian?
Điều phục gì để thoát⁵⁷?
Đoạn trừ những pháp nào,
Gọi là đạt Niết-bàn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dục hay trói thế gian⁵⁸,
Điều phục dục, giải thoát⁵⁹;*

^{56.} Pāli, S.1.64. Saṃyojana. Biệt dịch, №100(237).

^{57.} Pāli: kiṃsu tassa vicāraṇam, cái gì là bước chân của thế gian?

^{58.} Pāli: nandisaṃyojano loko, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.

^{59.} Pāli: vitakkassa vicāraṇam, tâm cầu là bộ hành của thế gian.

*Người đoạn trừ ái欲,
Nói là đạt Niết-bàn.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1011. YẾM⁶⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lê dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì khép thế gian?
Gì bao phủ thế gian?
Gì kết buộc chúng sanh?
Đời dựng trên cái gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Suy già khép thế gian,
Chết bao phủ thế gian;
Ái kết buộc chúng sanh,
Pháp dựng đứng thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

^{60.} Pāli, S.1.68. Pihita. Biệt dịch, N°100 (238)..

*Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 1012. VÔ MINH⁶¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì che thế gian?
Cái gì trói thế gian?
Cái gì nhớ chúng sanh?
Gì dựng cờ chúng sanh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vô minh che thế gian,
Ái ràng buộc chúng sanh;
Ẩn phú nhớ chúng sanh⁶²,
Ngã mạn, cờ chúng sanh.*

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

*Ai không bị trùm kín?
Ai không bị ái buộc?
Ai ra khỏi ẩn phú?
Ai không dựng cờ mạn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như Lai Đẳng Chánh Giác,
Chánh trí tâm giải thoát,*

⁶¹. Không thấy Pāli tương đương. Biệt dịch, N°100 (239).

⁶². Ẩn phú ức chúng sanh 隱 覆 憶 羣 生 ; chưa rõ nghĩa. Ẩn phú, Pāli: makkha (?): ngụy thiện, đạo đức giả.

*Không bị vô minh phủ,
Cũng không bị ái buộc,
Vượt ra khỏi ẩn phú,
Bé gãy cờ ngã mạn.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1013. TÍN⁶³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Những gì là tài vật,
Mà thương sĩ sở hữu⁶⁴?
Làm sao khéo tu tập,
Để đạt đến an vui?
Làm sao trong các vị,
Được vị ngọt tối thượng?
Làm sao trong chúng sanh,
Đạt tuổi thọ cao nhất⁶⁵?*

⁶³. Quốc Dịch, "9, Tương ưng chư Thiên; phẩm 3". Pāli, S.1.73. Vitta. Biệt dịch, №100 (240).

⁶⁴. Pāli: kiṁsu vittam purisassa seṭṭham, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?

⁶⁵. Pāli: kathamjivim jīvitamāhu seṭṭhan'ti, sống như thế nào là đời sống tối thượng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm thanh tịnh, tín lạc,
Là của bậc nhất của người.
Đối Chánh pháp tu hành,
Mang lại quả an lạc.
Lời vi diệu chân thật,
Là vị ngọt tuyệt nhất.
Đời sống tuệ Hiền thánh⁶⁶,
Là tuổi thọ cao nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vì Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lê dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1014. ĐỆ NHỊ⁶⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thế nào là Tỳ-kheo,
Có bạn đồng với mình⁶⁸?
Thế nào là Tỳ-kheo,*

^{66.} Trí tuệ mạng 智慧命 . Pāli: paññājivim, đời sống trí tuệ.

^{67.} Pāli, S.1.59. Dutiya. Biệt dịch, N°100 (241).

^{68.} Đệ nhị 第二 ; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Pāli: kiṁsu dutiyā purisassa hotī, nơi những gì là bạn của con người.

*Có tùy thuận giáo thọ⁶⁹?
 Tỳ-kheo ở nơi nào,
 Tâm rong chơi thỏa thích?
 Thỏa thích nơi đó rồi,
 Đoạn trừ các kết phược⁷⁰?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tín, là bạn đồng hành,
 Trí tuệ: vị giáo thọ;
 Niết-bàn: chốn hỷ lạc,
 Tỳ-kheo đoạn kết phược.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
 Chóng đắc Bát-niết-bàn;
 Mọi sợ hãi đều qua,
 Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lê dưới chân Phật, liền biến mất.

**
 *

KINH 1015. TRÌ GIỚI⁷¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì là tốt đến già?
 Gì là tốt xác lập?*

⁶⁹. Pāli: kiṁsu cenaṁ pasāsati, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?

⁷⁰. Pāli: kissa cābhirato macco,sabbadukkhā pamuccati tī, con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?

⁷¹. Pāli, S.1.51. Jāra. Biệt dịch, N°100 (242).

*Gì là của báu người?
Cái gì giặc chẳng đoạt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh giới tốt đến già.
Tịnh tín tốt xác lập.
Trí tuệ, báu của người,
Công đức giặc không đoạt.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lê
dưới chân Phật, liền biến mất.

**

KINH 1016. CHÚNG SANH (I)⁷²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lê dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruồi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Cái gì không giải thoát?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruồi trước tiên;*

⁷². Pāli, S.1.56. Jana (2). Biệt dịch, N°100 (243).

*Chúng sanh khởi sanh tử⁷³,
Pháp khổ không giải thoát.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1017. CHÚNG SANH (2)⁷⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dòng ruồi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì chỗ nương cây?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chính sanh,
Ý dòng ruồi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp pháp chỗ nương cây.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

⁷³. Pāli: satto saṃsāram āpādi, chúng sanh đọa lạc sanh tử.

⁷⁴. Pāli, S.1.57. Jana (3). Biệt dịch, №100 (244).

*Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1018. CHÚNG SANH (3)⁷⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dòng ruồi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì đáng sợ nhất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dòng ruồi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghịệp là đáng sợ nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

⁷⁵. Pāli, S.1.55. Jana (1). Biệt dịch, N°100 (245).

KINH 1019. PHI ĐẠO⁷⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì gọi là phi đạo?⁷⁷
Cái gì ngày đêm dời?⁷⁸
Cái gì nhơ phạm hạnh?
Cái gì lụy thế gian?⁷⁹*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tham dục là phi đạo,
Tuổi thọ ngày đêm dời;
Người nữ nhơ phạm hạnh,
Người nữ lụy thế gian.⁸⁰
Nhiệt hành, tu phạm hạnh,
Rửa sạch các lỗi nhơ.⁸¹*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sơ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

⁷⁶. Pāli, S.1.58. Uppatha. Biệt dịch, №100(246).

⁷⁷. Phi đạo 非道. Pāli: uppatha, con đường lầm lạc, tà đạo.

⁷⁸. Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là tận 盡. Pāli: rattindivakkhayo, bị tận diệt ngày đêm.

⁷⁹. Pāli: kiṃ sīnānam anodakaṃ, sự tắm gì không nước?

⁸⁰. Pāli: etthāyam sajjate pajā, ở đây mọi người dính mắc nó. Bản Hán đọc iṭṭhi (nữ thay vì ettha (ở đây)).

⁸¹. Pāli: tapo ca brahmacariyañca, tam sīnānam anodakaṃ, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

KINH 1020. VÔ THƯỢNG⁸²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì ánh thế gian⁸³?
Pháp gì là trên hết?
Những gì là một pháp,
Chế ngự khắp chúng sanh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Danh ngồi sáng thế gian,
Danh là nhất trên đời;
Chỉ có một pháp ‘danh’,
Chế ngự cả thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

⁸². Pāli, S.1.61. Nāma. Biệt dịch, №100(247).

⁸³. Pāli: kiṁsu sabbam addhabhavi, cái gì chinh phục tất cả?

KINH 1021. KỆ NHÂN⁸⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*'Pháp gì nhân của kệ?
Kệ lấy gì trang nghiêm⁸⁵?
Kệ này nương nơi đâu⁸⁶?
Thể của kệ là gì⁸⁷?'*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*'Dục⁸⁸ là nhân của kệ,
Văn tự trang nghiêm kệ;
Danh là chỗ kệ nương,
Tạo tác⁸⁹ là thể kệ.'*

Thiên tử này lại nói kệ:

*'Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.'*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ dưới chân Phật, liền biến mất.

**
*

⁸⁴. Pāli, S.1.60. Kavi. Biệt dịch, №100(248).

⁸⁵. Pāli: kiṁsu tāsaṁ viyañjanam, cái gì là tiêu tướng (= văn cũ) của chúng?

⁸⁶. Pāli: kiṁsu sannissitā gāthā, thi kệ y cái gì?

⁸⁷. Pāli: kiṁsu gāthānam āsāyo, cái gì là sở y của kệ?

⁸⁸. Pāli: chando (trung tính): âm vận; bản Hán hiểu là nam tính: dục hay ý muốn.

⁸⁹. Pāli: kavi, thi nhân.

KINH 1022. BIẾT XE⁹⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao biết xe cộ?
Làm sao lại biết lửa?
Làm sao biết quốc độ?
Làm sao biết được vợ?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Thấy cờ lọng biết xe,
Thấy khói thời biết lửa;
Thấy vua biết quốc độ,
Thấy chồng biết được vợ.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lě dưới chân Phật, liền biến mất.



⁹⁰. Pāli, S.1.72. Ratha. Biệt dịch, №100(249).

TẠP A-HÀM QUYỂN 37

KINH 1023. PHẨ-CẦU-NA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Phả-cầu-na² đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, bị bệnh nguy khốn.

Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phả-cầu-na ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nguy khốn. Bệnh của Tỳ-kheo như vậy có thể chết. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót mà đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, chỗ Tôn giả Phả-cầu-na.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na, trải tòa mà ngồi và vì Tôn giả Phả-cầu-na thuyết pháp, dạy dỗ, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc mạng chung, các căn vui tươi, gương mặt thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Tôn giả A-nan khi cúng dường xá-lợi Tôn giả Phả-cầu-na xong, về chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đến thăm, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc Tôn giả này sắp qua đời, các căn vui tươi, sắc da thanh tịnh, nhuận ánh sáng tươi. Bạch Thế Tôn, không biết Tôn giả ấy sẽ sanh về đâu, thọ sanh thế nào, đời sau ra sao?”

Phật bảo A-nan:

¹. Quốc Dịch, quyển 31, “Tụng vi. Tám chúng, 3. Tương ưng Bệnh, phẩm 2”, hai mươi kinh, Đại Chánh, 1023-1038; -Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai, 50. Tương ưng Bệnh” hai mươi kinh, Đại Chánh, quyển 47 (nửa sau) 1265-1266; quyển 37, 1023-1038. Pāli, A. 6. 65. Phagguna.

². Phả-cầu-na 囚求那. Pāli: Phagguna.

“Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Khi bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, tâm không điều hòa, mạng sống suy mòn, nhưng được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói nhiều pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó là phước lợi được từ sự chỉ dạy, nhắc nhở của Đại Sư.

“Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Sau đó bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, mạng sống suy mòn dần, không nhờ được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng gặp được các vị Đại đức đa văn, tu phạm hạnh, chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, nghe pháp.

“Lại nữa, A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết,... *cho đến* mạng sống suy mòn, không được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; lại không nghe các vị Đại đức đa văn phạm hạnh chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; nhưng trước kia đã lãnh thọ pháp, một mình ở nơi vắng lặng tư duy, quán sát, đoạn được năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy, quán sát pháp đã nghe từ trước.

“Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng³, tâm không khéo giải thoát khỏi các lậu. Sau đó tuy mắc bệnh, thân bị khổ đau, mạng sống suy mòn, nhưng nghe được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự thuyết pháp của Đại Sư.

“Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, chưa ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó biết thân khởi bệnh, chịu khổ đau vô cùng. Tuy chẳng được Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, nhưng lại được các vị Đại đức đa văn, phạm hạnh khác chỉ dạy,

³. Vô thượng ái tận giải thoát 無上愛盡解 . Bản Pāli: anuttare ca kho upadhisankhave (cittam vimuttam), (tâm giải thoát) trong sự đoạn tận hữu duy tối thượng.

nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chặng khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lớn từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp.

“Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bị bệnh, đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, không ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó thân bệnh khởi, sanh khổ đau vô cùng. Tuy không được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, cũng không được các vị Đại đức đa văn khác chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng ở chỗ vắng lặng tư duy, cân nhắc, quán sát, được ái tận giải thoát vô thượng, không khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy những gì đã được nghe từ giáo pháp⁴.

“Duyên gì các căm Tỳ-kheo Phả-cầu-na không được vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ nhuận tươi, trước khi Tỳ-kheo Phả-cầu-na chưa bị bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết? Tỳ-kheo này tự mình được nghe từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp của Đại Sư, đoạn năm hạ phần kết.”

Rồi Thế Tôn xác nhận Tôn giả Phả-cầu-na đã đắc quả A-na-hàm.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 1024. A-THẤP-BA-THỆ⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-thấp-ba-thệ⁶ ở giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, thân bị bệnh nặng, vô cùng đau khổ. Tôn giả Phú-lân-ni là vị chăm sóc, cung cấp. *Nói đầy đủ như kinh Bạt-ca-lê ở trước⁷. Đó là, ba thọ... cho đến chuyển tăng không giảm.*

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

⁴. Pāli: ayaṁ... chaṭṭho ānisaṁso, đây là lợi ích thứ sáu.

⁵. Pāli, S. 22. 88. Assaji.

⁶. A-thấp-ba-thệ 阿濕波誓. Pāli: Assaji.

⁷. Xem kinh 33 trên.

“Ông chớ hối hận⁸.”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối hận!”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ông có phá giới không?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không phá giới.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ông không phá giới sao hối hận?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trước khi con chưa bệnh, con tu tập nhiều, chứng nhập tịnh lạc của thân an chỉ⁹. Tu tập tam-muội nhiều. Còn hôm nay, con lại không nhập tam-muội kia được¹⁰. Con tự suy nghĩ không lẽ tam-muội này thoái thất chăng?”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Nay Ta hỏi ông, tùy ý đáp cho Ta. Này A-thấp-ba-thệ, ông có thấy sắc tức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Lại hỏi:

“Ông có thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ông đã không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, vậy vì sao lại hối hận?”

⁸. Hán: biến hối 變悔 . Pāli: kacci te assaji na kiñci kukkccam na koci vippatisāro ti, “Ngươi không có điều gì hối hận, phân vân chăng?”

⁹. Hán: thân tức lạc chánh thọ 身息樂正受 . Pāli: passambhetvā kāyasaṅkhāre: làm cho thân hành êm dịu (an chỉ).

¹⁰. Tham chiếu Pāli:... gelāne passambhetvā viharāmi soham samādhīm nappaṭilabhati, trong khi bệnh, con cố gắng, rất cố gắng an chỉ thân hành, do đó không đạt được chánh định (tam-muội).

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì không chánh tư duy.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào tam-muội kiên cố, tam-muội bình đẳng, mà không nhập được tam-muội kia, thì không nên khởi nghĩ rằng mình thoái thất đối với tam-muội. Nếu Thánh đệ tử lại không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Mà chỉ nên giác tri như vậy, thì tham dục hoàn toàn sạch hết: không còn; sân nhuế, ngu si hết hẳn không còn. Khi tất cả lậu đã tận trừ, tâm vô lậu giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi nghe Phật thuyết pháp này, Tôn giả A-thấp-ba-thệ không khởi các lậu, tâm được giải thoát, vui mừng, phấn khởi; vì tâm được vui mừng, phấn khởi nên thân bệnh liền dứt trừ.

Phật nói kinh này làm cho Tôn giả A-thấp-ba-thệ hoan hỷ, tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

Kinh Sai-ma-ca¹¹. Như nói về ngũ thọ ấm.

**
*

KINH 1025. TẬT BỆNH (1)¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, mới học... *cho đến* bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc. Có Tỳ-kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Xin Thế Tôn vì

^{11.} Sai-ma-ca tu-da-la 差摩迦修多羅. Ân Thuận, kinh 13362, “50. Tương ưng Bệnh”. Có tên kinh, nhưng không có nội dung. Cf. S.22.89.Khemaka.

^{12.} Pāli, S.35.74. Gilāna.

thương xót mà đến trú xứ này!”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ này. Tỳ-kheo bệnh này từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy nằm nghỉ, chờ dậy! Thế nào Tỳ-kheo, có thể chịu đựng được khổ đau không?” ... Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói. “Ba thọ như vậy... cho đến bệnh khổ chỉ tăng không giảm.”

Phật nói Tỳ-kheo bệnh:

“Bây giờ Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta.”

“Ông không hối hận chăng¹³? ”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật sự, có hối hận.”

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Ông không phạm giới chăng?”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật sự, không phạm giới.”

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Nếu ông không phạm giới, tại sao ông lại hối hận?”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp Thượng nhân và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc; con tự nghĩ, lúc mạng chung biết sanh nơi đâu? Cho nên sanh ra hối hận.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta. Thế nào Tỳ-kheo, vì có nhẫn nên có nhẫn thức phải không?”

Tỳ-kheo bệnh bạch:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo, ý người thế nào? Vì có nhẫn thức nên có nhẫn xúc và do nhẫn xúc làm nhân làm duyên nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

^{13.} Xem cht.8 kinh 1024 trên.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

“Thế nào Tỳ-kheo? Nếu không có nhãm thì không có nhãm thức phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo, nếu không có nhãm thức thì không có nhãm xúc phải không? Nếu không có nhãm xúc thì không có nhãm xúc làm nhân làm duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong, phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

“Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung mới tốt đẹp được và đời sau cũng tốt đẹp.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo bệnh nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ-kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn ông vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Tỳ-kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn, nay Tôn giả đã mang chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào Thế Tôn, Tỳ-kheo này sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh ra sao? Đời sau thế nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo kia đã qua đời kia thật sự là bảo vật¹⁴. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, đối với pháp không sơ hãi, đắc Bát-niết-bàn. Các ông nên cúng dường xá-lợi.”

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo này là bậc nhất¹⁵.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹⁴. Chơn bảo vật 真寶物.

¹⁵. Thọ đệ nhất ký 受第一記; đây chỉ sự xác nhận đã chứng quả A-la-hán.

KINH 1026. TẬT BỆNH (2)¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên chỉ có sự sai biệt là:*

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: Ta đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng với tâm giải thoát, tuệ giải thoát kia, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Tỳ-kheo kia đối với thức thân của mình và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì trong hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, chuyển các kết, dừng ngã mạn, hiện quán cứu cánh thoát khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1027. TỲ-KHEO BỆNH¹⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại

¹⁶. Pāli, S. 35. 75. Gilāna (nội dung không hoàn toàn nhất trí).

¹⁷. Không thấy Pāli tương đương.

nước Xá-vệ. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là... cho đến* Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

“Ông không tự phạm giới phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không phải vì để thọ trì tịnh giới mà ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông vì những pháp gì mà ở chỗ Ta tu phạm hạnh?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vì ly tham dục nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Ông nên thật sự vì để ly tham dục nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Này Tỳ-kheo, vì tham dục trói buộc nên không ly được dục. Vì vô minh trói buộc nên tuệ không thanh tịnh. Cho nên Tỳ-kheo, ở nơi dục mà ly dục, tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào, ở nơi mà dục ly dục, tự thân tác chứng tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn các ái dục, chuyển kết phược, dừng ngã mạn, hiện quán, cứu cánh biên tế khổ. Cho nên Tỳ-kheo đối với pháp này phải khéo tư duy.”

Nói đầy đủ như trên... cho đến thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1028. TẬT BỆNH (3)¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo cùng tụ tập ở giảng đường Già-lê-lệ¹⁹. Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo bệnh.

¹⁸. Pāli, S. 36. 7. Gelañña.

¹⁹. Già-lê-lệ giảng đường 伽梨隸講堂 . Pāli: Gilānasālā, bệnh xá.

Buổi chiều sau khi Thế Tôn từ thiền tịnh tĩnh giắc, đến giảng đường Già-lê-lê, trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Nên chánh niệm, chánh trí để đợi thời. Đó là giáo huấn của Ta²⁰. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là chánh niệm? Là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian, sống quán niệm ngoại thân trên thân, sống quán niệm nội ngoại thân trên thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; sống quán niệm nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, phương tiện tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo ức niệm chánh.

“Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo hoặc tới hoặc lui, an trụ chánh trí; nhìn trông, quán sát, co, duỗi, cúi, ngược, nắm cầm y bát, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức... *cho đến* năm mươi, sáu mươi người nói năng hay im lặng đều hành với chánh trí. Tỳ-kheo, đó gọi là chánh trí. Cũng thế, Tỳ-kheo nào an trụ vào chánh niệm, chánh trí, có thể khởi cảm thọ lạc, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ lạc cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ lạc, quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xã. Vì ấy quán sát thân cùng với cảm thọ lạc là vô thường... *cho đến* xã. Nếu ở nơi thân và cảm thọ lạc mà kết sử tham dục²¹ vĩnh viễn không còn sai sử nữa²². Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ khổ phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Cũng vậy, duyên vào thân khởi tư duy: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ khổ cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ khổ, là vô thường cho đến xã. Ở nơi thân này và cảm thọ khổ

²⁰. Hán: tùy thuận chi giáo 隨順之教, hay tùy thuận giáo, tức sự giáo huấn hay giáo giới. Pāli: anusāsanī.

²¹. Tham dục sử, tức dục tùy miên.

²². Nghĩa là, không còn tùy miên, tức tùy túng miên phục: không còn nằm phục hay tiềm phục.

mà kết sử sân nhuế vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ không khổ, không vui phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Là duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ chẳng khổ chẳng lạc, cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ không khổ, không lạc kia, là vô thường cho đến xả. Nếu những gì ở nơi thân và cảm thọ không khổ không lạc mà kết sử vô minh sử vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc yểm ly, đối với thọ, tưởng, hành, thức yểm ly. Đã yểm ly rồi, ly dục. Ly dục rồi, được giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Khi đang cảm giác lạc;
Không biết cảm giác lạc.
Vì kết sử tham dục,
Nên không thấy xuất ly.
Khi đang cảm giác khổ,
Không biết cảm giác khổ.
Vì kết sử sân nhuế,
Nên không thấy xuất ly.
Cảm thọ không lạc, khổ,
Đảng Chánh Giác đã nói,
Người kia không thể biết,
Nên không qua bờ kia.
Nếu Tỳ-kheo tinh tấn,
Chánh trí không xiêu động;
Nơi tất cả thọ kia,
Trí tuệ đều biết hết.
Thường biết các thọ rồi,
Hiện tại hết các lậu;
Mạng chung nương trí tuệ,
Niết-bàn, không đọa lạc.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1029. TẬT BỆNH (4)²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên.*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập nơi giảng đường Già-lê-lê²⁴, đa số đều bị bệnh. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là: cho đến “... Thánh đệ tử nên quán sát như vầy, ở nơi sắc mà giải thoát, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Ta nói những người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử.”*

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bậc trí tuệ đa văn,
 Đầu tò rõ các thọ.
 Đối cảm thọ khổ, lạc,
 Phân biệt thật rõ ràng.
 Nên biết sự chắc thật,
 Phàm phu có lên xuống;
 Nơi lạc không nhiễm trước,
 Nơi khổ không xiêu động.
 Biết thọ không thọ sanh.
 Y cảm thọ tham, nhuế.
 Đoạn trừ những pháp này,
 Tâm kia khéo giải thoát.
 Buộc niệm vào diệu cảnh,
 Chánh hướng đợi hết đời.
 Nếu Tỳ-kheo tinh cần,
 Chánh trí chẳng xiêu động;
 Đối với mọi thọ này,*

²³. Pāli, S. 36. 8. Gelañña (2).

²⁴. Xem cht.19 kinh 1028.

*Kẻ trí thường giác tri.
Thấu rõ các thọ rồi,
Hiện tại hết các lậu,
Mạng chung nương trí tuệ,
Niết-bàn không đọa lạc.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 1030. CẤP CÔ ĐỘC (1)²⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc bị bệnh, thân thể khổ đau vô cùng.

Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự khất thực đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muối dậy, Thế Tôn thấy thế liền bảo:

“Gia chủ, chờ dậy mà tăng bệnh khổ.”

Thế Tôn ngồi xuống rồi bảo gia chủ:

“Thế nào gia chủ? Bệnh có thể chịu được không? Thân bệnh, đau đớn tăng hay giảm?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, rất đau đớn, khó chịu rồi!... cho đến nói ba thọ, chi tiết như kinh Sai-ma... cho đến “... cảm thọ khổ chỉ tăng chứ không giảm.”

Phật bảo gia chủ:

“Nên học như vầy: Đối với Phật có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.”

Gia chủ bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã dạy về bốn bất hoại tịnh. Con có pháp này, trong pháp này có con. Bạch Thế Tôn, nay đối với Phật con có lòng tin

²⁵. Không thấy Pāli tương đương.

thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo gia chủ:

“Lành thay! Lành thay!” Rồi liền thọ ký cho gia chủ đắc quả A-na-hàm.

Gia chủ bạch Phật:

“Hôm nay, con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực ở đây.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ liền dạy tôi tớ sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành cúng dường Thế Tôn. Thế Tôn thọ thực xong, vì gia chủ nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 103I. CẤP CÔ ĐỘC (2)²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ, đến nhà ông thăm.

Từ xa gia chủ trông thấy A-nan, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma ở trước dạy... cho đến “...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm.”*

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo gia chủ:

“Đừng sợ hãi! Chỉ có phàm phu ngu si vô học vì không tin Phật, không tin Pháp, Tăng, không đầy đủ Thánh giới, nên có sự sợ hãi và sợ sau khi mạng chung cùng cái khổ đời sau. Còn ông đối với sự bất tín ấy ngày nay đã đoạn, đã biến tri. Đối với Phật đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đối với Pháp, Tăng đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đã thành tựu Thánh giới.”

Gia chủ thưa Tôn giả A-nan:

“Ngày nay con còn sợ hãi cái gì? Lần đầu tiên con mới gặp Thế Tôn giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh, thành Vương xá, liền được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Từ đó đến nay, nhà có

²⁶. Pāli, S.55. 27. Anāthapiṇḍika (2).

tiền của đều đem cúng dường cho đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.”

Tôn giả A-nan nói:

“Lành thay, gia chủ! Ông tự ký thuyết quả Tu-dà-hoàn.”

Gia chủ bạch Tôn giả A-nan:

“Xin mời Tôn giả thọ thực tại đây.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Gia chủ liền cho sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cúng dường Tôn giả A-nan. Sau khi thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1032. CẤP CÔ ĐỘC (3)²⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ. Nghe vậy, hỏi Tôn giả A-nan:

“Thầy có biết chăng? Gia chủ Cấp Cô Độc thân đang bị bệnh khổ. Chúng ta hãy cùng đến thăm.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả A-nan đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đây đủ như kinh Sai-ma*, “... bệnh khổ của thân càng tăng chứ không giảm.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

“Nên học như vầy: Không chấp trước mắt, không có thức tham dục y trên nhãn giới mà sanh. Không chấp trước tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có thức tham dục y trên ý giới mà sanh. Không chấp trước sắc, không có thức tham dục y trên sắc giới sanh. Không chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có thức tham dục y trên pháp giới sanh. Không chấp trước địa giới, không có thức tham dục y trên địa giới

^{27.} Pāli, S. 55. 26. Anāthapiṇḍika (1); Cf. M. 143. Anāthapiṇḍikovāda. Tham chiếu, Hán, N°125 (51.8).

sanh. Không chấp trước thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không có thức tham dục y trên thức giới sanh. Không chấp trước sắc uẩn, không có thức tham dục y trên sắc uẩn sanh. Không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức uẩn,... không có thức tham dục y trên thức ấm sanh.”

Lúc ấy gia chủ Cấp Cô Độc cảm động rơi nước mắt. Tôn giả A-nan nói với gia chủ:

“Gia chủ khiếp sợ hạ liệt chăng²⁸?”

Gia chủ thưa với Tôn giả A-nan:

“Con không khiếp sợ hạ liệt. Con tự xét lại từ khi phụng sự Phật cho đến nay, đã hơn hai mươi năm, mà con chưa lần nào nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa, vi diệu như những gì vừa được nghe hôm nay.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

“Từ lâu tôi cũng chưa từng vì các gia chủ nói pháp như vậy.”

Gia chủ thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Có bạch y tại gia nào có tín thù thắng, niêm thù thắng, lạc thù thắng, nhưng vì không nghe pháp sâu xa nên sanh ra thoái thất. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả thương xót vì hàng bạch y tại gia mà nói pháp thâm diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất, hôm nay xin Tôn giả thọ thực tại đây.”

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Gia chủ liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành cung kính cúng dường. Thọ thực xong, ngài lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1033. ĐẠT-MA-ĐỀ-LÝ²⁹

Đạt-ma-đề-ly, kinh thứ nhất cũng nói đầy đủ như kinh đầu Đức Thế Tôn nói pháp cho gia chủ Cấp Cô Độc. *Kinh thứ hai cũng nói như vậy, chỉ có một vài sai khác là:*

²⁸. Hán: khiếp liệt 怖劣. Pāli: oliyasi... saṃśidasi...? “Ông đang bám chặt (sự sống) chăng? Đang chìm xuống (sự chết) chăng?

²⁹. Bản Hán, Ấn Thuận phân thành hai kinh: 13371, 13372. Pāli, S.55.53. Dhammadinna.

“Nếu lại có gia chủ nào y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu niệm, từ niêm Như Lai sự... *cho đến* niêm Thiên.”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu tùy niêm, ngày nay con đều thành tựu. Con thường tu tập niêm Như Lai sự... *cho đến* niêm Thiên.”

Phật bảo gia chủ:

“Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông tự ký thuyết quả A-na-hàm.”

Gia chủ bạch Phật:

“Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh tho thực của con.”

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ biết Phật đã nhận lời, liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn tho thực xong lại vì gia chủ nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1034. TRƯỜNG THỌ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có đồng tử Trường Thọ³¹ là cháu gia chủ Thọ Đề thân mắc bệnh nặng.

Bấy giờ Thế Tôn nghe đồng tử Trường Thọ thân mắc bệnh nặng, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự đi đến nhà đồng tử Trường Thọ. Đồng tử Trường Thọ từ xa thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như kinh Sai-ma đã nói đầy đủ;... cho đến* “... bệnh khổ chỉ tăng không giảm.”

“Cho nên, đồng tử, nên học như vậy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy.”

Đồng tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói về bốn bất hoại tịnh. Hiện

³⁰. Pāli, S. 55. 3. Dīghāvū.

³¹. Trường Thọ đồng tử 長壽童子. Pāli: Dīghāvū upasako, Ưu-bà-tắc Trường Thọ.

tại con đều có. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giời.”

Phật bảo đồng tử:

“Ông nên y vào bốn bất hoại tịnh, để hướng lên tu tập sáu minh phần tưởng³². Những gì là sáu? Quán tưởng tất cả hành là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng tất cả thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về sự chết.”

Đồng tử bạch Phật:

“Như Thế Tôn nói y vào bốn bất hoại tịnh để tu tập sáu minh phần tưởng. Hiện tại con đều có. Nhưng con tự nghĩ, sau khi chết, con không biết ông nội của con là gia chủ Thọ Đề³³ sẽ thế nào?”

Bấy giờ gia chủ Thọ Đề nói với đồng tử Trưởng Thọ:

“Đối với ông, cháu đừng nghĩ đến. Hiện giờ cháu nên nghe Thế Tôn nói pháp, suy nghĩ và nhớ lấy, mới có thể được phước lợi, an vui, nhiều ích lâu dài.”

Đồng tử Trưởng Thọ nói:

“Đối với tất cả hành con sẽ quán tưởng chúng là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về tử, lúc nào chúng cũng hiện hữu trước mặt.”

Phật bảo đồng tử:

“Hôm nay con đã tự ký thuyết quả Tư-dà-hàm.”

Đồng tử Trưởng Thọ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xin thỉnh Ngài thọ thực tại nhà con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng Thọ đồng tử liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, vì đồng tử thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

³² Pāli: cha vijjā bhāgīyādhammā, sáu pháp thuận minh phần, dẫn đến minh trí.

³³ Thọ Đề 樹 提 . Pāli: Jotika, cha của Dīghāvula. Bản Hán nói là ông nội.

KINH 1035. BÀ-TẨU³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại trú xứ Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ gia chủ Bà-tẩu³⁵ thân bị bệnh khổ. Nói đầy đủ như kinh Gia chủ Đạt-ma-đề-na³⁶ ở trước... được thọ ký đắc quả A-na-hàm... *cho đến* từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1036. SA-LA³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có Sa-la họ Thích³⁸ bị bệnh liệt nặng.

Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bệnh liệt nặng, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực, theo thứ tự đến nhà Sa-la họ Thích. Từ xa Sa-la họ Thích trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như đã nói đầy đủ trong kinh Sai-ma-ca... cho đến* "...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm."

"Cho nên, Sa-la họ Thích, nên học như vầy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Sa-la họ Thích bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Con đều có đủ. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo Sa-la họ Thích:

"Cho nên ông phải y vào tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, tín

³⁴. Không thấy Pāli tương đương.

³⁵. Bà-tẩu trưởng giả 婆藪長者.

³⁶. Đạt-ma-đề-na 達摩提那 . Tức Đạt-ma-đề-ly, xem kinh 1033 trên.

³⁷. Pāli, S. 55. 39. Kālīgodha.

³⁸. Sa-la họ Thích 釋氏沙羅 . Pāli: Kālīgodhā Sākyāni, Thích nữ Kālīgodhā.

thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, để hướng lên tu tập năm hỷ xứ³⁹. Những gì là năm? Đó là niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí.”

Sa-la họ Thích bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã nói y vào bốn bất hoại tịnh, để tu năm hỷ xứ, con cũng đã có. Con lúc nào cũng niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí.”

Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay! Nay tự ông ký thuyết quả Tư-đà-hàm.”

Sa-la bạch Phật:

“Xin Thế Tôn hôm nay, thọ thực tại nhà con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ Sa-la liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

KINH 1037. DA-THÂU⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú trong một tinh xá Khúc cốc, thôn Na-lê⁴¹. Bấy giờ, gia chủ Da-thâu⁴² bị bệnh trầm trọng, như vậy... *cho đến* ký thuyết đắc quả A-na-hàm. *Như đã nói đầy đủ trong kinh Đạt-ma-đề-na*⁴³.

**

KINH 1038. MA-NA-ĐỀ-NA⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú bên ao Kiệt-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy

³⁹. Năm hỷ xứ 五喜處.

⁴⁰. Không thấy Pāli tương đương.

⁴¹. Na-lê, hay Na-lê-ca, xem các kinh 301, 854, 926, 959.

⁴². Da-thâu 耶輸.

⁴³. Xem kinh 1035 trên.

⁴⁴. Pāli, S. 47. 30. Mānadinna.

giờ có gia chủ Ma-na-đề-na⁴⁵ bị bệnh mới bớt⁴⁶.

Bấy giờ gia chủ nói với một người nam:

“Này thiện nam tử, ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thay tôi đánh lỗ dưới chân, hỏi thăm cuộc sống có thoải mái, an lạc không? Ngày mai, xin cùng bốn vị nhận lời thỉnh của tôi. Nếu nhận lời, ông nên vì tôi bạch rằng tôi là người thế tục, bận nhiều công việc vương gia, không thể đích thân đến rước được; xin Tôn giả thương xót, đến giờ cùng bốn vị đến phó hội theo lời mời của tôi.”

Lúc ấy người nam kia vâng lời gia chủ, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đánh lỗ dưới chân, thưa Tôn giả rằng:

“Gia chủ Ma-na-đề-na xin kính lỗ và hỏi thăm cuộc sống của Tôn giả ít bệnh, ít náo, thoải mái, an lạc không? Và trưa ngày mai, xin mời Tôn giả cùng bốn vị, thương xót mà nhận lời thỉnh cầu của gia chủ.”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời mời. Bấy giờ người kia lại vì gia chủ Ma-na-đề-na thưa Tôn giả A-na-luật:

“Gia chủ là người thế tục bận nhiều công việc vương gia không thể đích thân đến rước được, xin Tôn giả thương xót, cùng bốn vị nhận lời mời trưa ngày mai của gia chủ.”

Tôn giả A-na-luật nói:

“Ông cứ an tâm, tôi tự biết thời. Ngày mai sẽ cùng bốn vị đến nhà gia chủ.”

Khi ấy, người này theo lời dạy của Tôn giả A-na-luật về thưa lại gia chủ:

“Thưa A-lê⁴⁷, nên biết, tôi đã đến Tôn giả A-na-luật, trình đầy đủ theo tôn ý và Tôn giả A-na-luật nói rằng gia chủ cứ an tâm, ngài tự biết thời.”

Tối hôm đó, gia chủ Ma-na-đề-na sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành. Sáng sớm, lại sai người kia đến chỗ Tôn giả A-na-luật thưa đã đến giờ. Người kia liền vâng lời đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân, bạch rằng: “Đồ cúng dường đã

^{45.} Ma-na-đề-na 摩那提那 . Pāli: Mānadinno gaṇapati.

^{46.} Bản Pāli: bệnh nặng.

^{47.} A-lê 阿梨 . Pāli: ayyo (= ariya), xưng hô của tớ đối với chủ.

sửa soạn xong, xin ngài biết thời.”

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đắp y ôm bát cùng với bốn vị đi đến nhà gia chủ. Trong lúc ấy, các thể nữ đang đứng vây quanh gia chủ Ma-na-đề-na, đứng trong cửa bên trái, trông thấy Tôn giả A-na-luật cúi người ôm chân kính lẽ, đưa tới chỗ ngồi; mỗi người tự cúi đầu hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả A-na-luật hỏi thăm gia chủ:

“Cuộc sống có kham nhẫn, an vui không?”

Gia chủ đáp:

“Vâng, thưa Tôn giả, sống kham nhẫn an vui. Trước đây, con bị bệnh nặng nhưng hôm nay đã bớt rồi.”

Tôn giả A-na-luật hỏi gia chủ:

“Gia chủ sống, trụ tâm thế nào để có thể khiến cho bệnh tật khổ não bớt dần?”

Gia chủ bạch:

“Thưa Tôn giả A-na-luật, con trụ vào bốn Niệm xứ, chuyên tu buộc niệm, nên các thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được định chỉ. Những gì là bốn? Sống quán niệm nội thân trên thân, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, sống quán niệm nội pháp; ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-na-luật, con nhờ buộc tâm trụ vào bốn Niệm xứ nên mọi thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được định chỉ. Thưa Tôn giả A-na-luật, nhờ trụ tâm được nên mọi thứ tất bệnh khổ đau đều được định chỉ.”

Tôn giả A-na-luật bảo gia chủ:

“Hôm nay, gia chủ tự ký thuyết quả A-na-hàm.”

Lúc này, gia chủ Ma-na-đề-na mang các thứ đồ ăn thức uống thanh khiết, ngon lành, tự tay cúng dường đầy đủ. Sau khi thọ thực và súc rửa miệng xong, gia chủ Ma-na-đề-na lại ngồi nơi ghế thấp nghe pháp. Tôn giả A-na-luật nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1039. THUẦN-ĐÀ⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư, tại thành Vương xá⁴⁹. Bấy giờ, có gia chủ Thuần-đà⁵⁰ đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, Thế Tôn hỏi gia chủ Thuần-đà:

“Hiện tại, ông ưa thích tịnh hạnh⁵¹ của những Sa-môn, Bà-la-môn nào?”

Thuần-đà bạch Phật:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, thờ Tỳ-thấp-ba Thiên⁵², cầm trưng, bình nước, thường rửa sạch tay mình⁵³. Vị Chánh sĩ như vậy thường khéo nói pháp rằng: ‘Này thiện nam, vào ngày mười lăm mỗi tháng dùng mặt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, tu hành trai pháp, mặc đồ mới sạch, đeo tràng hoa⁵⁴ dài, lụa trắng, nằm lên trên đất trét phân bò. Ngày thiện nam, sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói như vậy: ‘Đất này trong sạch. Ta cũng sạch như vậy’. Tay cầm cục phân trâu cùng nắm một nắm cỏ tươi, miệng nói: ‘Cái này trong sạch. Ta cũng trong sạch như vậy.’ Nếu ai như vậy thì được thấy là trong sạch. Nếu ai không như vậy, hoàn toàn không trong sạch’. Bạch Thế Tôn, Sa-môn, Bà-la-môn nào, nếu trong sạch như vậy thì đáng cho con kính ngưỡng.”

^{48.} Quốc Dịch, “Tụng vi. Tám chúng; 4. Tương ưng Ứng báo”. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 51. Tương ưng Nghiệp báo”; gồm ba mươi lăm kinh: 13378-13404; Đại Chánh 1039-1061. Pāli, A. 10. 176. Cunda.

^{49.} Bản Pāli: pāvāyaṇi viharati cundassa kammāraputassa ambavane, trú tại Pāvā trong rừng xoài của Cunda, con trai người thợ rèn (hay thợ vàng?).

^{50.} Thuần-đà trưởng giả 淳陀長者. Pāli: xem chú thích 48 trên.

^{51.} Tịnh hạnh 淨行. Pāli: soceyya, sự thanh khiết, thanh tịnh.

^{52.} Tỳ-thấp-bà thiên 麟濕婆天, phiên âm Skt. Viśva của Rig-veda, về sau, được chỉ cho thần Viśnu. Chi tiết này không có trong bản Pāli.

^{53.} Pāli: brāhmaṇā pacchābhūmakā kamaṇḍalukā sevālamālikā aggiparicārikā udakorohakā soceyyāni paññapenti, những người Bà-la-môn ở phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ, thờ lửa, thường xuyên tắm gội, cử hành các lễ thanh tẩy.

^{54.} Bản Nguyên Minh: man 髮. Bản Cao-ly: phát 髮. Bản Tống tu 髮.

Phật bảo Thuần-đà:

“Có pháp đen và báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống. Nếu ai đã thành tựu những pháp ác này, dù cho sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói rằng ‘thanh tịnh’ thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh. Người này cầm cục phân bò và nắm cỏ tươi nói rằng ‘thanh tịnh’ thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh.

“Này Thuần-đà, thế nào là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến* chạm hay không chạm, tất cả đều bất tịnh?

“Này Thuần-đà, đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng cũng không tránh xa sự sát hại, tay thường tanh máu, tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát hại, không hổ, không thiện, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sanh.

“Đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người, cũng không xa lìa trộm cắp.

“Đối với những người được bảo hộ của cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm.

“Nói dối không chân thật: Hoặc ở chốn vua quan, các nhà nói chân thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình, vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ.

“Hoặc nói hai lưỡi chia lìa, đem chuyện chõ này đến nói chõ kia, đem chuyện chõ kia đến nói chõ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp, khiến kẻ ly gián vui mừng.

“Hoặc không lìa bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cộc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không tùy thuận tam-muội⁵⁵. Nói những lời như vậy,

⁵⁵. Pāli: asamādhi-saṃvattanikā, (lời nói) khiến mất định.